

DUY-MA KINH LƯỢC SỐ

QUYỂN 8

GIẢI THÍCH PHẨM: QUÁN CHÚNG SINH

Phẩm thứ tư sau đây tiếp sau phẩm Bất Tư nghị. Lược dùng ba nghĩa để giải thích chung:

1. Nói phẩm này và ý của ba phẩm kế sau.
2. Lược giải thích tên phẩm.
3. Giải thích văn kinh.

1. Giải thích ý có phẩm này.

Một phẩm Bất Tư nghị trên lập thành nghĩa Thượng quả. Gần mà nói tức để thành phẩm Thăm Bệnh thì dẹp hết các thứ trong thất là biểu thị cho mười phương cõi Phật đều không, chỉ đặt một chiếc giường để người bệnh nằm, chính là biểu thị pháp thân có đại bi ứng dụng. Vì để thành nghĩa này nên nói rộng trụ vào Giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, có các việc không thể suy lường được. Chính là nói bệnh quyền không phải bệnh. Hiện bệnh nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn là bệnh để đem lại lợi ích cho mọi người. Xa mà nói là thành phẩm Phật Quốc trên nói về Tịnh độ. Ngài Thân Tử và chúng sinh vì có tội nên không thấy Tịnh độ. Ngài Loa Kế không tội nên thấy tịnh trang nghiêm. Đây là đại dụng vô phương chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có người đáng độ mới thấy được.

Kế từ phẩm này có bốn phẩm nữa. Gần mà nói, chính vì thành phẩm Thăm Bệnh với ba giáo ủy dụ, ba quán điều phục, ba thứ Bồ-tát có bệnh được nói rộng trong đó, nên được giải thích trước. Luận việc xa, thì cũng gồm thành bốn phẩm ngoài thất. Về phần bốn phẩm này đối với phẩm Thăm Bệnh trên là ba giáo ủy dụ, ba quán điều phục và Bồ-tát bệnh thật, thì phẩm này tức thành phẩm Thăm Bệnh từ Giả vào Không mà quán điều phục vậy. Trên nói “Nay bệnh ta...” từ vọng tưởng đời trước sinh ra, cho đến ngã và Niết-bàn hai thứ đều không. Được pháp này, là Không có bệnh khác. Chỉ có bệnh không. Bệnh không cũng không. Văn trên dựa thẳng vào Không, chưa luận dựa vào Không

mà khởi bốn Vô lượng tâm. Phẩm này luận đầy đủ nên hơi khác. Lại trên chỉ nói vào Không. Phẩm này ngài Văn-thù có xét hỏi tận nguồn cội. Ngài Tịnh Danh đáp đến nguồn cội vô trụ mới thôi. Lại ngài Thân Tử và Thiên nữ đối đáp qua lại rõ ràng, nên nói rộng trước.

- Kế giải thích phẩm Phật Đạo để thành việc phẩm Thăm Bệnh từ không vào Giả mà quán điều phục. Trên nói đem không chỗ thọ mà thọ nhận các thọ. Chưa đủ Phật pháp cũng không diệt thọ mà thủ chứng. Tức từ không vào Giả mà quán. Nay phẩm Phật Đạo nói hành ở phi đạo mà thông suốt Phật đạo, tức là khởi lại phẩm Thăm Bệnh trên nói vào Giả rõ ràng.

- Hai phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn và Hương Tích, giải thích thành việc thăm bệnh nói Trung đạo chánh quán điều phục. Trên nói: “Như bệnh ta không phải Chân không phải Hữu, chúng sinh bệnh cũng không phải Chân không phải Có.” Lại nói không phải cấu hạnh, không phải tịnh hạnh, đạo quán song lưu. Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn nói các Bồ-tát đều nhập pháp môn bất nhị, để thành việc phẩm Thăm Bệnh nói không phải Chân không phải Có. Về phẩm Hương Tích thì cấu tịnh song hành để thành việc phẩm Thăm Bệnh nói nghĩa đạo quán song lưu. Nếu luận xa thì gồm thành bốn phẩm Ngoài Thất. Phẩm này để thành việc trên nói cho các quốc vương, trưởng giả về các dụ thân vô thường mộng huyễn... khiến họ cầu pháp thân. Phẩm Phương Tiện chỉ nói hữu vi duyên tập thế đế, Thông giáo thì thế Giả vào Không chưa luận nhiễm chân đế Niết-bàn, không bệnh cũng Không. Nay đây nói đủ nên được rộng nêu ở trên. Kế phẩm Phật Đạo là thành việc phẩm Đệ Tử trên nói nghĩa Biệt giáo. Chê trách các đệ tử vì thủ chứng chân đế Niết-bàn mà không chịu nhập giả phương tiện. Nay nói hành ở phi đạo mà thông suốt Phật đạo. Rộng luận về nhập giả danh phi đạo, phá hàng sa vô tri, khéo ở tri kiến mà được vô ngại ngại.

Kế phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn là phẩm Hương Tích, thành nghĩa Viên giáo của phẩm Bồ-tát trên. Nếu Biệt giáo Bồ-tát thì cần riêng trải tu hành. Tại nhân tuy hay nhập giả, nhưng không thể song quán chân tục. Nay phẩm Bất Nhị Pháp Môn nếu nhập thì mọi sinh diệt đều mất. Còn phẩm Hương Tích khi xuất thì có, không tịnh ược đồng hành. Hiển bày Viên giáo pháp môn, dẹp trừ tự thể duyên tập. Nay được giúp thành phẩm Phật Quốc, là thành cái nghĩa nhân Phật quốc. Vì sao? Vì duyên phước nếu đoạn tất được vãng sinh. Nếu khi thành Phật thì các chúng sinh được hóa độ liền sinh đến cõi nước ấy. Bốn phẩm này gồm ba phân đoạn:

1. Phẩm Quán Chúng Sinh chính nói từ quán Giả vào Không .
2. Phẩm Phật Đạo chính nói quán từ không vào Giả quán.
3. Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn và phẩm Hương Tích nói Trung đạo chánh quán song lưu vậy.

Nay một phẩm này trước hết nói về thông tướng từ quán Giả vào Không .

2. Lược giải thích tên phẩm này: Nói “Quán Chúng Sinh”, thì trước đây phẩm Thăm Bệnh nói từ Giả vào Không, nhưng chỉ quán bệnh ở tự thân. Nay phẩm này nói từ Giả vào Không, tức quán mình và người khác, nhất như không hai. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm, Phật và chúng sinh, là ba thứ không sai khác.” Tự và tha cùng ở một bên, nếu không thông tự thì không đạt tha. Trên nói thông tự là tự điều phục. Nay nói đạt tha, là từ bi tiếp vật cho nên nói là phẩm Quán Chúng Sinh. Quán, là lấy quán đạt làm nghĩa, cũng là quán xuyên suốt. Nói quán đạt là thấu suốt chúng sinh vốn có cội nguồn thanh tịnh. Như từ Giả vào Không mà quán chiếu thấu suốt, tuy còn Phàm, Thánh khác nhau, nhưng đồng quy vào Không tịch, nhất như không hai. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “Như tâm và Phật cũng thế, như Phật và chúng sinh cũng vậy, tâm, Phật và chúng sinh là ba, mà không sai khác.” Văn trên nói: “Di-lặc Như chúng sinh Như, nhất Như không hai.” Đây tức là rõ biết chúng sinh rốt ráo thanh tịnh. Tục đế sinh không, chân đế pháp Không, Trung đạo đệ nhất nghĩa đế chân bình đẳng Không. Thấu suốt ba nghĩa sâu sắc này là vì chúng sinh ba đế hoặc chướng không đồng nhau, gọi là chấp tướng vô tri, vô minh khác nhau. Tuy có ba hoặc che chướng ba đế lý, nhưng Bồ-tát chiếu soi thấu suốt vô ngại. Nên Đại kinh nói: Tức dùng đục bén mà đục tan đá tảng sỏi cát đều không ngại đục thấu tới kim cương, tức là nghĩa của quán đạt. Về nghĩa của quán xuyên suốt, là khi Bồ-tát từ Giả vào Không thì quán xuyên suốt qua đá tảng của kiến tư tục đế. Cát vô tri trệ chân, sỏi đá vô minh che lấp nhất thật, nay đều rỗng suốt vô ngại, tức là tốt đến bản tế kim cương của tâm tánh. Nên kinh Pháp Hoa có nói: Thí Như có người khát cần nước chạy lên vùng cao nguyên đào đá tìm nước, chỉ thấy toàn đất khô cứng, biết nước còn xa đào mãi mới thấy đất ướt, dần đến lớp bùn, lòng quyết biết nước đã gần. Thấy đất khô là quán chúng sinh giả thấy chân đế. Thấy đất ướt là quán Chân không trụ, thấy giả vô ngại. Dần đến lớp bùn, đây là nói Trung đạo cùng vô minh hợp nhau, như nước hợp cùng bùn. Nên nói đến lớp bùn nếu được nước trong, tức là lý Trung đạo hiển bày, lìa bỏ bùn vô minh, lắng thành nước trong mát, tức là chân giải thoát. Cho nên vào phẩm này nói quán

chúng sinh có ba thứ, tức định ba thứ này là nghĩa của quán đạt. Lại đoạn văn sau kiểm xét tận nguồn cội đến gốc vô trụ tức là quán xuyên suốt năm trụ đến lý bản tế kim cang của tâm. Nói “chúng sinh”, tức là các pháp ấm, nhập... nhận lấy thứ này làm thân nên gọi là chúng sinh. Tỳ-đàm nói sở thành chúng sinh là vô, năng thành Phật pháp là hữu. Độc Tử nói ngã ở đại thứ năm chẳng thể nói là tạng. Thành Thật luận nói không phải chỉ “Sở thành là giả mà năng thành cũng giả.” Cho nên đem ba giả làm thế đế mà có giả chúng sinh, nếu từ không nhập chân, liền không có chúng sinh. Không phải chỉ không có sở thành mà năng thành cũng không. Đây là tích giả mà nói năng thành và sở thành để nhập không vậy. Phương quảng nói: Chúng sinh và thật pháp đều như mộng huyễn, không sinh không diệt rốt ráo đều không. Đại luận phá lỗi này là làm mất ý Đại thừa. Nay kinh nói thể của sở thành luôn dùng để nhập không, đều như huyễn hóa...

Hỏi: Nếu như huyễn tức không thì cùng Phương quảng có gì khác?

Đáp: Phương quảng tuy nói như huyễn tức không, lấy không hỷ luận để phá tuệ nhãn, còn không được nhập chân, há được Chân không mà nhập trung. Kinh này nói quán ba đế cùng nguồn tốt tánh, nghĩa suy ra liền có ba thứ chúng sinh:

1. Tục.
2. Chân.
3. Trung.

Về tục đế, là nhận năm ấm phần đoạn để thành giả danh chúng sinh, đều như huyễn mộng. Nếu thấy chân đế, tức nhận năm ấm biến dịch để thành chúng sinh. Nếu thấy Trung đạo, tức là năm ấm pháp tánh để thành chúng sinh. Nên Đại kinh nói: Chúng sinh và Phật tánh không lìa sáu pháp. Đại Luận nói: Chúng sinh cao tốt nhất chính là Phật, pháp cao tốt nhất là Niết-bàn. Nay Trung đạo là năm ấm pháp tánh, thì cái gì chẳng gọi là chúng sinh. Khắp nguồn cội chúng sinh là ba thứ chúng sinh, tức là nghĩa Bồ-tát quán chúng sinh.

Hỏi: Kinh này nói quán chúng sinh nhập chân như đại thứ năm mà không nói có năm ấm biến dịch, sao lại dùng cái này để giải?

Đáp: Quán chân đế thì không thấy chúng sinh tục đế như đại thứ năm, y vào chân thì đều là năm ấm chúng sinh vô vi biến dịch cả. Lại nữa, Bồ-tát quán không khác với Nhị thừa. Nhị thừa quán chúng sinh không, còn không quán Niết-bàn không, thì đâu thể quán Trung đạo là Không. Nay nói từ Giả vào Không, ắt là ba đế đều không. Nên phẩm

Thăm Bệnh nói: Ngã và Niết-bàn là hai thứ đều không. Ngã không, tức sinh tử, tục đế chúng sinh không. Niết-bàn không, tức pháp chân đế không. Lại nói: Bệnh không cũng không, phải biết vọng chấp Trung đạo thì bệnh này cũng không. Sở dĩ có lúc dùng không mà nói Trung đạo, là vì dùng không hai biên. Nếu chấp có Trung đạo, thì ở Trung đạo có bệnh. Bệnh này cũng không, nên nói Trung đạo cũng không. Một khi vào Không mà quán thì ba đế đều không. Tuy lại đều không mà cũng không đoạn diệt vì thấy Trung đạo, thì một tâm muôn hạnh đâu chỉ là Không đoạn. Cho nên phẩm này nói cho đến Trung đạo. Như ở cõi Vô sắc mà thí dụ về sắc... Phải biết khi Bồ-tát từ Giả vào Không, tuy đồng với Nhất thiết trí vào Không, nhưng đối với không này, lại thấy Lý ba đế, đầy đủ cả ba trí. Nên Đại Luận có nói: Ba trí thật là nhất tâm trung mà được. Vì nói với mọi người để dễ hiểu nên cần thứ lớp phân biệt. Như thế mà vào Không, đủ cả ba quán, là tuy dùng không để gọi, nhưng phải thật đủ ba quán, tức có Từ, Bi, Hỷ, Xả. Như phẩm này đã nói. Nếu quán đủ ba không, mà thấy ba đế, thì tức là nghĩa của quán đạt và quán xuyên suốt, nên gọi là phẩm Quán Chúng Sinh.

Hỏi: Trước dùng chân phá tục, kế dùng trung phá chân, được gọi là Chân không. Nay lấy gì phá trung mà gọi là trung không?

Đáp: Bất sinh, bất sinh bất khả thuyết, tánh tự là Không. Lại nữa, phá người chưa chứng trung chỉ vọng chấp hý luận, nên nói Trung đạo là Không. Lại nữa, vì phá pháp ái nên nói trung không. Không có đế lý nào khác để phá trung. Nếu “lại có” thì lý “lại có” này cần phải phá, tức có lỗi vô cùng.

3. Giải thích văn kinh “Bấy giờ...” . Như trước chia bốn phẩm gồm ba ý, đến phẩm này văn có bốn:

- 1) Chính nói quán chúng sinh từ Giả vào Không.
- 2) Nói khởi vô lượng tâm lợi vật.
- 3) Đối đáp qua lại xét cội nguồn chúng sinh.
- 4) Thiên nữ tán hoa.

Phần 1) có hai: Văn-thù hỏi và Tịnh Danh đáp.

* Văn-thù hỏi, sở dĩ hỏi là vì ở phẩm Thăm Bệnh trên nói Bồ-tát bệnh thật từ Giả vào Không chỉ là luận việc tự điều phục, chứ chưa nói quán để phương tiện lợi vật. Nay ngài Văn-thù hỏi nếu trước dùng từ Giả vào Không mà quán để lợi vật, vì sao lại quán chúng sinh, nên phải hỏi.

* Ngài Tịnh Danh đáp “Duy-ma-cật nói...”. Văn có ba: Một là, Nói mười dụ như huyễn... để quán chúng sinh thế đế. Hai là, Nói năm

dụ như đại thứ năm... để quán chúng sinh chân đế. Ba là, Nói các thí dụ về Sắc và Vô sắc để quán chúng sinh Trung đạo thật đế.

- Nói về mười dụ, tự nơi có thể tánh mà nói không chỉ trừ vọng chấp tánh nhất định, thì cũng còn là giả danh chúng sinh. Nếu thể giả tức thật đều là huyễn có, thì tùy lý ba giả có tên là tánh không. Chẳng phải là Không có tùy lý huyễn giả mà có chúng sinh ấm nhập thế đế. Về mười thí dụ thì năm thứ trước là theo lý, năm thứ sau là theo tình. Lại có hai ý: Trước nói dụ như huyễn, tiếp nói chín thí dụ.

- Nói dụ như huyễn: nhà huyễn thuật thấy người huyễn mình hóa ra, tức như nhà huyễn thuật hóa vật làm người. Tự biết pháp huyễn nên biết vật đó là huyễn ảo không thật, mà người không biết thì cho đó là người thật. Do có pháp huyễn nên có tự tha chúng sinh. Như ở phẩm Thăm Bệnh nói: Quán tự chúng sinh và ngoại chúng sinh đều như huyễn. Người bị hoặc, không hiểu rõ cho là thật có. Cho nên theo tình mà có ba thứ giả chúng sinh. Nay quán chúng sinh tuy như huyễn không mà không ngại chi, cũng tùy lý mà có ba thứ giả chúng sinh thế đế. Cho nên nói Bồ-tát quán chúng sinh là như thế.

- Nói Chín dụ “Tri giả... cữ trụ”, bốn dụ trước thuộc tùy lý, năm dụ sau thuộc tùy tình. Như trăng trong nước. Nhân trăng trên trời mà biết có trăng trong nước. Tuy là Không thể được nhưng không ngại chi việc có trăng Bồ-tát tự biết trong nước pháp tánh có mặt trăng mặt trời vô minh tức là chúng sinh. Như trong gương thấy đủ dáng hình. Bồ-tát biết có dáng vô minh ở trong gương chân pháp tánh thấy hình chúng sinh. Như ánh lửa lúc trời quá nóng. Vô minh như thời tiết nóng, nường pháp tánh không mà khởi ánh lửa chúng sinh. Như âm vang của tiếng gọi. Như có tiếng gọi vô minh, tức đối với hang pháp tánh không mà có tiếng vang chúng sinh. Nếu như tám thí dụ của Nhiếp Đại thừa phải nường vào A-lê-da mà có. Mọi thứ đều có chủ. Đây là ý riêng. Nay dùng chung để dụ cho chúng sinh thì đó là ý của hai giáo Viên, Thông. Còn năm dụ sau như mây trên không trung... là Tam tạng giáo tùy tình có ba giả, giúp thành các dụ tùy lý, đầy đủ như trong phẩm Phương Tiện đã nói. Về như mây trong không trung, tức trong năm ấm không có thân người. Vì kiến lực nên có mây chúng sinh. Về như đám bọt nước... các dụ thì phẩm Phương Tiện đều đã giải thích.

Nói năm dụ quán chúng sinh chân đế không “Như đại thứ năm... là năm thí dụ như thế”. Trên nói các thí dụ, thì dụ quán chúng sinh không có tánh nhất định, không hại gì đến chỗ thấy điên đảo, như huyễn hóa, tiếng vang chúng sinh. Nay năm dụ này nói chúng sinh đều như lông rùa

sừng thỏ không thể được. Không phải chỉ không có chúng sinh, mà cũng không có cả thật pháp. Dứt đường ngôn ngữ, bật cả tâm hành. Như đại thứ năm... Không có đạo lý này, là quán chúng sinh vào chân rốt ráo, không thấy tướng chúng sinh.

Nói quán chúng sinh Trung đạo ““Như vô sắc...” ... “vi nhược thử thập lục thí” . Pháp Trung đạo không phải có không phải Không. Không như huyền các dụ là có, không như năm dụ Đại... là Không. Như sắc ở cõi Vô sắc, nếu giáo bất liễu nghĩa nói không có sắc ở cõi Vô sắc, thì giáo liễu nghĩa nói có sắc ở cõi Vô sắc. Nên Đại kinh nói như sắc ở cõi Vô sắc. Vì sao lại được có tới lui dừng nghỉ. Nghĩa như thế không phải là các cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, chính là chỗ thấy biết của chư Phật, Bồ-tát. Giải thoát cũng thế. Cũng sắc mà không phải sắc. Không phải sắc là Thanh văn, Duyên giác. Sắc là chư Phật Như Lai. Sắc này không đồng với sắc có chất ngại của thế gian, chính là diệu sắc rộng sáng thường an trụ, không bị sinh tử dời đổi. Có người nói Xá-lợi-phất trong Tỳ-đàm có nói có sắc ở cõi Vô sắc. Thí dụ này là Trung đạo, không phải có của thế đế nên gọi là Không. Không phải Không của chân đế, nên có diệu sắc. Nên biết từ đây trở đi các dụ đều dựa theo người trí thấy không và chẳng không, để nói về Trung đạo. Nên trong Đại phẩm có nói: Các pháp Không có gì, như thế là có, là sự không biết nên gọi là vô minh. Vô minh trụ địa sức nó rất lớn, chỉ có trí Bồ-đề của Phật mới đoạn được. Nay sắc ở cõi Vô sắc là cảnh giới của Phật. Phải biết các thí dụ đều dụ chúng sinh Trung đạo là Không. Lại trên đã nói xong về mười chín cõi, liền kết rằng Bồ-tát Quán chúng sinh. Và vì cõi này lại lập chương nói về sắc của cõi Vô Sắc, nên không đồng trước. Đây đều là giải thích để thành phẩm Thăm Bệnh về từ Giả vào Không. Ngã và Niết-bàn là hai thứ đều không. Khi được pháp này thì không có các bệnh khác, chỉ có bệnh không. Bệnh không cũng không, thì cùng với quán chúng sinh này, ba đế cùng thành. Cho nên nói phẩm Quán Chúng Sinh là ý ở đây. Như mầm lúa bị đốt, ở trên ngài Ca-diếp tự nghĩ là hạt giống hư. Nhưng nếu hư luôn thì đến khi nói kinh Pháp Hoa Phật sao lại thọ ký cho, nếu được làm hạt giống Phật thì tất không bị cháy hư. Đại kinh có nói: Nếu người phương tiện dùng dầu mỡ tươi sẽ khiến nó nảy mầm. Cho nên biết nghĩa hạt giống cháy hư có nảy mầm. Như thân kiến bậc Tu-đà-hoàn. Đây là người đoạn kiến được vào sơ quả. Phần đoạn ba cõi thân kiến dứt hẳn, biệt hoặc chưa hết thì thân kiến ắt có. Như A-na-hàm nhập thai, tuy không trở lại cõi Dục thọ thai, nhưng biệt hoặc chưa đoạn hết. Nếu phát đại tâm thì mới nhập vào Thánh thai. Cho

nên nói an trụ thế đế. Khi mới xuất thai thì gọi là bất sinh sinh. Như ba độc của A-la-hán, tuy không có ba độc nội giới, nhưng không phải ngoại giới đều rớt ráo không có. Như việc tham giận phá giới của Bồ-tát được nhẫn. Đã được Vô sinh nhẫn tất sẽ không có tham giận nội giới và phá cấm giới, ngoại giới cũng đều không. Kinh nói: Duy nhất chỉ có Phật là tịnh giới, các người khác đều gọi là ô giới. Phải biết Bồ-tát được Nhẫn có nghĩa là hủy cấm giới. Như phiền não tập của Phật, Phật thì chánh tập đã dứt hẳn, chủng trí đều viên mãn. Nếu có người đáng dùng tập khí để độ thì cũng hiện khởi lên. Như trách Điều-đạt và chê Xá-lợi.

Hỏi: Nếu thế thì cũng khởi chánh sử, sao lại chỉ có tập?

Đáp: Chánh sử đã thuộc về La-hán, Bồ-tát được nhẫn mà chưa đoạn tập, không phải tự thị hiện nên không được nói là có. Như kẻ mù thấy sắc, tuy không hiện thấy nội tâm tư tưởng, cũng không có hình dáng muốn thấy, đây cũng có tâm. Lại là nghĩa mới có được thấy. Như người nhập diệt định còn thở ra vào, diệt định thì không còn thở vì được sức định duy trì, không được xuất nhập mà không phương hại vì có phép thở. Như băng giữ cá, băng tan cá liền bơi đi. Lại Nhiếp Đại thừa nói: Diệt Định biết diệt liền lại được khởi. Vì nương vào Lê-gia mà được lại xuất nhập. Như dấu chim trên không trung, vì nhục nhãn không thấy nên nói là Không có dấu vết. Kinh Ương-quật nói: Người có Thiên nhãn thấy được dấu chim trên không. Như con của thạch nữ, đây trọn không sinh, nữ báo nếu chuyển thì cũng có thể sinh. Như ngài Thân Tử làm Thiên nữ, Thiên nữ làm Thân Tử. Tất cả nữ thân đều không có tướng nhất định. Như phiền não của hóa nhân. Đây không có phiền não, hóa nhân có lúc hiện tướng ba độc. Như những gì thấy trong mơ khi đã tỉnh. Tỉnh tuy không mơ, nhưng không ngại chi các việc nhớ lại trong mơ. Cũng có lý là lại mơ. Như kẻ diệt độ thọ thân La-hán hoàn toàn nhập diệt không còn thọ sinh, mà lại thọ sinh ở biến dịch ngoại giới. Như lửa vô nhân, nếu bốn trường hợp phá lửa ắt là lửa vô nhân. Nếu dập duyên thì liền sinh, há hoàn toàn không có? Các trường hợp này há đồng với mười chín giới hoàn toàn đều không ư? Cho nên biết tuy không mà không đồng với chân đế; tuy có mà không đồng với thế đế. Không phải Không, không phải có mà không và có rõ ràng, như sắc của vô sắc không có mà có, là cảnh giới của chư Phật Bất khả tư nghị, cho nên biết Bồ-tát quán chúng sinh từ Giả vào Không, thấy suốt ba đế, để thành phẩm Thăm Bệnh trước.

Hỏi: Phẩm Thăm Bệnh quán chúng sinh Trung đạo mà phá bệnh không. Nay quán mà không phá, há lại đồng với trước ư?

Đáp: Trước là chấp trước là cố ý phá. Nay nói ở lý. Lý tự nó không có bệnh nên không cần phải phá.

Phần 2) Quán chúng sinh khởi bốn Vô lượng tâm “Văn-thù-sư-lợi...”. Sở dĩ khởi tâm này là gốc việc lợi sinh. Nếu không có tâm này thì sẽ rơi vào hàng Nhị thừa. Bốn tâm tức là bốn phen hỏi đáp. Trước tiên, nói về tâm Từ. Văn có hai là hỏi và đáp.

* Sở dĩ hỏi, là vì Bồ-tát quán chúng sinh giả nhập ba đế không, tất cả là Không có hữu vi, vô vi, tự thể ba thứ chúng sinh, thì Từ nhân đâu mà khởi. Chỉ là đạo hóa vật của Bồ-tát làm đầu. Nay đã đều không, thì Từ đâu thể khắp. Nếu quán không và mất hết thì Từ cùng Nhị thừa đâu gì khác. Nên mới có câu hỏi này.

* Đáp ý “Duy-ma...”. Nguyên chúng sinh nói lý không này, khiến họ ngộ lý không này mà nhập vào Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của bí mật tạng, tức ba mươi hai thứ Từ chân thật. Văn có bốn: Một là căn cứ nói pháp này tức là trí đức chân thật. Hai là căn cứ về đoạn đức. Ba là, căn cứ nói về Thánh đức. Bốn là căn cứ nói về các hạnh.

Một, Muốn biết nói trí ở đâu, nay nói vì chúng sinh nói pháp này là Từ chân thật, là Bồ-tát chứng Đại Niết-bàn biết bất sinh, bất sinh bất khả thuyết, phó duyên mà nói tức là trí đức. Nay mọi người thấy tánh được vui Niết-bàn, tức là Từ hay ban vui. Đại kinh có nói: Từ tức là Như Lai, Từ tức là giải thoát, giải thoát tức là thấy Phật tánh Trung đạo, trụ ở Đại Niết-bàn, thành bách cú giải thoát. Đây tức là quán không, thấu suốt đến Trung đạo. Trung đạo tức là pháp thân Vô duyên đại từ như đá nam châm hút sắt. Lìa đây thì không có chân từ. Nếu y trên mà trải quán, thế đế tức là chúng sinh duyên. Chân đế tức là pháp duyên, thấy Trung đạo tức là vô duyên. Nên quán ba đế tức là ba đức. Nếu quán chúng sinh vào Không rồi, thì có từ như thế. Đây chỉ lấy không làm chủ, được tên Nhất thiết trí mà thật đủ cả ba quán, được luận là ba từ. Bồ-tát có bệnh tự tu quán này tất là tự hành điều tâm, vì chúng sinh mà nói, tức là hóa tha ban vui. Cho nên nói vì chúng sinh mà nói, ấy là chân từ. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Tuy chưa được vô lậu, đã vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai.” Nay Bồ-tát có bệnh chưa được thân pháp tánh, liền vào nhà hạnh từ Như Lai. Lại Đại kinh nói: Xưa nương vị Bồ-tát đủ tánh phiền não, hay biết bí mật tạng của Như Lai. Người ấy có bao nhiêu pháp nói ra, đều có thể tin nhận. Đây là vị tương tự mà còn như thế, huống là phần chân từ vì chúng sinh nói, đâu không phải là chân đại Từ.

Nói Đoạn đức chân thật mà nói về Từ “Hành tịch diệt từ... như

hư không cố) có chín câu, mỗi mỗi câu trước đều nói: Nếu quán chúng sinh mà vào Không, được đến Trung đạo, sau đó nương câu văn mà giải thích. Hành tịch diệt từ vì không có chỗ sinh là, nếu thấy chúng sinh Trung đạo, tức thấy các pháp vốn tự tịch diệt. Vì vốn không có tướng hai biên lăng xăng, mà là Trung đạo tịch diệt. Đây tức là chân từ. Tức lý chân sinh bất sinh. Nếu thấy lý này thì hai biên đều đoạn, nên nói là Không chỗ sinh.

Hỏi: Nếu hai biên đã đoạn thì gọi là Không chỗ sinh, tại sao bậc Sơ trụ cũng còn bốn mươi một phẩm sinh?

Đáp: Một phẩm sinh mà đoạn, tức là Không chỗ sinh, tuy có bốn mươi một phẩm sinh, nhưng đều không có tánh nhất định, tức là Không sinh. Nên Đại Luận có nói: Tuy chưa thoát tử địa tức là đã được thoát. Hành vô nhiệt từ là để vào ao Đại Niết-bàn mát mẻ tất là Không có phiền não hai biên nóng bức. Hành từ bình đẳng, là hai biên ba đời đều bình đẳng, tức là chân pháp thân Vô duyên từ. Hành từ vô tánh, là vì hai biên khác nhau nên có tranh nhau, vì tranh nhau nên khởi phiền não sinh tử. Không có hai biên tranh nhau khởi lên là chân từ vậy. Hành từ không hai tức là từ một đạo thanh tịnh, nên gọi là từ không hai, không hợp nhau với phiền não sinh tử nội ngoại giới, nên nói không hợp nội ngoại. Hành từ bất hoại, tức là Vô duyên chân từ, không thể phá hoại, vì hai biên phiền não sinh tử đã dứt hết. Hành từ kiên cố, thì tâm như kim cương. Thành tựu được tâm chân từ này, thì không bị tám gió nội ngoại giới hủy hoại. Hành từ thanh tịnh, là được đế nhất thật, tức biết các pháp xưa nay vốn thanh tịnh, không bị đấm nhiễm. Hành biên không từ tức là biên không chân từ, đem thiện mà nhập vào pháp tánh, không vướng trệ các biên, Đại từ phủ khắp, cũng là thấy Phật tánh không, nên nói như hư không.

Căn cứ Thánh đức mà nói chân từ, có sáu câu “Hành A-la-hán... Đẳng nhất vị cố”. Hành từ A-la-hán, A-la-hán, Hán dịch là Sát tặc. La-hán thấy không, chỉ là giết giặc phiền não nội giới. Bồ-tát quán chúng sinh vào Không, không phải chỉ thấy đản không, mà cũng thấy không không thể được, tức là đế nhất thật giết đại tặc phiền não nội ngoại giới. Bồ-tát lấy việc lợi vật làm đầu, tự mình đã giết giặc mà cũng giết giặc nội ngoại giới cho chúng sinh, nên nói phá giặc kết.

Từ đây trở đi năm câu đều phá, cần trước nói: Nếu quán chúng sinh mà vào Không, được thấy chánh đạo. Sau tùy câu mà giải thích. Hành từ Bồ-tát, là được đạo chủng trí, tức hay lợi vật, gọi là Bồ-tát tự lợi lợi tha, tức là chân từ. Trước hành từ La-hán, nói được chánh đạo mà

trị bệnh chúng sinh. Nay nói từ Bồ-tát, là nói được Trung đạo, nuôi lớn thiện căn, khiến kẻ chưa an được an. Nên nói vì an chúng sinh. Hành từ Như Lai tức là đế nhất thật, đó là thừa hành đạo từ như thật, nên gọi là từ Như Lai. Được tướng như, tức là tướng khác của biên không. Hành Phật từ, tức là trí Trung đạo Đệ nhất nghĩa, gọi là Phật bảo, đây tức là hành Phật từ. Tự giác giác tha gọi là giác chúng sinh. Hành từ tự nhiên là tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập, tức là tự nhiên trùm khắp tất cả. Không do nhân mà được, là chánh đạo không phải do nhân duyên sinh ra, cho nên Đại kinh nói Đệ nhất nghĩa đế không phải do nhân duyên sinh. Hành từ Bồ-đề, tức là Bồ-đề Vô thượng. Được một vị, tức như kinh Pháp Hoa nói: Một tướng một vị. Bốn thứ này đều ước Phật pháp. Đại phẩm nói: Có bốn thứ pháp, đó là Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên nhân pháp, Nhất thiết trí nhân pháp.

Căn cứ các hạnh mà nói từ “Hành vô tỷ ... là như thế) có mười bốn câu. Hành từ không gì sánh. Nếu quán chúng sinh vào Không mà thấy Đế nhất thật, tức là từ tuyệt đối đãi, không có hai biên để so sánh. Nếu không đấm trước đế nhất thật, tức là các ái khuể đều đã đoạn hết. Từ đây trở đi mỗi mỗi câu đều như câu đầu. Nếu quán chúng sinh vào Không mà thấy Đế nhất thật. Sau đó tùy câu mà giải thích. Hành từ đại bi là hay cứu khổ hai biên nên gọi là từ đại bi. Hay dẫn dắt chúng sinh hai biên vào đế nhất thật, được vui Đại thừa. Hành từ không chán, tức là biết hai biên rốt ráo không thể được. Không có tâm sợ khó sợ khổ nên không chán. Vì quán hai biên không thể được, tức là rốt ráo không và vô ngã. Hành từ pháp thí, có Sư nói từ đây trở đi đối với Thập địa mà hành từ. Nay không dùng lời giải này, vào Không thấy Trung, tức là đầy đủ tất cả thiện pháp. Không keo kiệt không buông bỏ gọi là từ pháp thí đem hạnh thường xả dạy người nên đối với chúng sinh không bỏ sót và lẫn tiếc. Hành từ Trì giới tức không phải trì giới không phải phạm giới, gọi là từ Trì giới, vì hay giáo hóa việc hai biên hủy giới cấm. Hành từ Nhẫn nhục, tức không giận không nhẫn, gọi là từ Nhẫn nhục, không quấy não chúng sinh hai biên, tức hộ trì kia đây vậy. Hành từ Tinh tấn tức không siêng không lười, gọi là từ Tinh tấn, hay gánh vác chúng sinh. Hành từ Thiền định, tức không thọ nhận các vị Thiền định của hai biên chân tục. Hành từ Trí tuệ, tức không trí không ngu, gọi là từ Trí tuệ, mà hay đậu cơ phó duyên không lỗi, đều biết đúng lúc. Hành từ Phương tiện, tức khéo ở tri kiến mà được vô ái ngại, gọi là từ Phương tiện, nên không hay khởi diệt định, luôn hiện các oai nghi, khởi ba Luân ở mười cõi hóa độ bất tư nghị. Hành từ vô ẩn, tức là pháp thân hiển hiện là chân

vô ẩn từ, trực tâm vô tác, không bị phiền não nội ngoại giới ô nhiễm, nên được thanh tịnh. Hành từ thâm tâm, tức là vào sâu duyên khởi từ, không nhiễm hạnh phương tiện ở hai biên. Hành từ không đối trá tức không bị phiền não hai biên đối gạt, nên gọi là từ không đối trá, không làm pháp hư giả hai biên. Hành từ an lạc, tức là trụ vào tất cả pháp chân an lạc, hay khiến chúng sinh được Niết-bàn của Phật. Từ của Bồ-tát là như thế. Bồ-tát quán chúng sinh vào Không, mà thấy được Trung đạo, để thành tựu các Từ như thế. Tại sao hỏi phải hành từ như thế này.

Tiếp nói về tâm Bi “Văn-thù... Cộng chi” có hai là hỏi và đáp.

Hỏi: Đã nghe hành từ quán chúng sinh vào Không mà thấy được Trung đạo, còn Bi là thế nào, nên hỏi.

Đáp: Ngài Tịnh Danh đáp: Nếu Từ là ban vui thì Bi là cứu khổ. Nguyên đem công đức tu về Từ này đều cùng vô duyên với chúng sinh, khiến họ được niềm vui Trung đạo Đệ nhất nghĩa, gọi đó là Từ. Từ tức là Bi vậy. Lại cứu cái chấp hai biên, lia bỏ cái Khổ hai thứ sinh tử. Nên gọi là Bi.

Tiếp nói về tâm Hỷ “Hà vị... vô hối”. Gồm hỏi và đáp. Hỏi ý như trên. Ngài Tịnh Danh đáp: Mừng chúng sinh này lia hai khổ hai biên được vui Trung đạo, gọi đó là Hỷ. Nếu mừng vui sau hỷ hữu dư, vô dư thì có hối tiếc. Pháp Hoa nói: Ôm mối hối hận tự nghĩ mình già yếu mà có nhiều tiền của, nay đã có niềm vui rất ráo, nên mừng vui không hối tiếc.

Cuối cùng nói về tâm Xả “Hà Vị... hy vọng”. Gồm hỏi và đáp. Hỏi ý suy như trên. Ngài Tịnh Danh đáp: Nếu quán chúng sinh mà vào Không, thấy Đế nhất thật, tánh như hư không. Có Phật hay không Phật, tánh tướng thường trú, tất cả đều có tánh an lạc. Tuy lại ban vui cứu khổ, nhưng thật ra không có vui để ban, không có khổ để cứu, sao còn có mừng vui. Đại kinh nói: “Thường hành xả”. Xả đây là ba tâm không mong cầu nên gọi là xả.

Phần 3) Tìm xét cội nguồn chúng sinh “Văn-thù...) có mười hai lần hỏi đáp. Văn có hai: Một là, Sáu phen trách theo bốn hoàng nguyện mà thành bốn Vô lượng tâm. Hai là, Sáu phen chính nói cội nguồn chúng sinh tức thành việc vào Không đến Trung đạo ở phẩm Quán Chúng Sinh trước.

Sáu phen đầu: Nếu chỉ khởi bốn Vô lượng tâm mà không có hoàng nguyện thì như bức họa màu không keo sẽ mau phai. Văn có bốn:

a/Hai phen thành Từ.

b/ Một phen thành Bi.

c/ Một phen thành Hỷ.

d/ Hai phen thành Xả.

Phần a) Có hai:

1/ Hỏi đáp chính nói tu Từ phải nương vào công đức Như Lai;

2/ Hỏi đáp lại quyết nương công đức Như Lai.

Phần đầu hỏi và đáp: Ngài Văn-thù có ý hỏi là để thành từ Vô lượng tâm. Hỏi sinh tử có đáng sợ. Nếu Bồ-tát mới học quán chúng sinh không, tức là quán Trung đạo. Nếu chưa phát chân mà tu Từ vô lượng tâm không bỏ chúng sinh đã ở trong sinh tử, khổ sinh tử khó nhẫn. Lại trải nhiều kiếp hoặc bị ác duyên ngăn trở hủy hoại, nhân đó phải lui sụt. Có nỗi lo này nên nói “đáng sợ, phải nương vào đâu?”. Ngài Tịnh Danh đáp: Phải nương vào sức công đức của Như Lai. Hoặc như sáu niệm đầu nói công đức niệm Phật hay trừ được sợ sệt. Nay đoạn văn sau tự nói: Muốn nương vào công đức Như Lai phải trụ vào việc độ thoát tất cả chúng sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả là pháp độ sinh, chỉ nguyện Vô duyên từ đầy đủ tất cả pháp. Như Đại kinh nói: Từ hay đầy đủ tất cả công đức như mười lực Vô úy... đó là từ Như Lai, là công đức Như Lai. Vô duyên từ này còn không thấy hai biên sinh tử, há lại đối với sinh tử mà có lo sợ. Văn trên chỉ nói quán chúng sinh không mà nhập Chánh đạo, tức là tu Từ, chưa nói có sợ sệt. Nay nói có sợ, thì phải biết Bồ-tát có bệnh đó, chưa đoạn hết các hoặc chung riêng, chưa phát chân minh, chưa thấy Trung đạo, nên nói có sợ sệt. Nay vì muốn giữ yên tâm sợ khổ, sợ khổ của chúng sinh để thoát khỏi lo sợ, nên khuyên phải nương vào công đức Như Lai, tức là dùng hoằng nguyện tu Từ đầu tiên. Nếu quán ba đế không mà dùng hoằng nguyện tu Từ ban đầu, thì còn lo sợ chi! Như nhân duyên từ Đồng nữ bỗng phát tâm chịu thay khổ địa ngục cho chúng sinh, thì vòng lửa rơi xuống và liền sinh về cung trời Đao-lợi, tức là nghĩa này.

Phần tiếp theo hỏi đáp lại quyết nương vào công đức Như Lai “Văn-thù... chúng sinh”. Ý hỏi: Nếu sinh tử có lo sợ, mà khuyên nương vào công đức Như Lai, vậy thế nào là công đức? Kế đáp: Phải trụ vào việc độ thoát tất cả chúng sinh, tức là sức công đức của Như Lai. Vì sao? Vì Từ hay ban vui, tức là độ sinh. Nên hoằng thệ đầu tiên là thệ độ chúng sinh. Chúng sinh biên không thì công đức cũng biên không. Đây tức là công đức Như Lai. Nên Đại kinh nói: Phát tâm rất ráo cả hai không khác. Như thế hai thứ, tâm trước và tâm sợ khổ, mình chưa được độ trước đã độ người, thế nên kính lễ phát tâm đầu.

Phần b/ Hỏi đáp thành Bi vô lượng tâm “Lại hỏi... phiền não”.

Trước hỏi phải trừ bỏ những gì để thành Bi. Kế đáp khiến trừ phiền não, tức là Bi hay cứu khổ. Đây là khiến phát hoằng thệ thứ hai. Ai chưa giải bỏ Tập để khiến giải bỏ, để thành Bi vô lượng tâm. Cũng gọi là phiền não vô số thệ nguyện đoạn, đoạn các duyên tập hai biên, tức là thành Bi hay cứu khổ vậy.

Phần c/ Hỏi đáp “Lại hỏi... Chánh niệm”. Trước hỏi: Muốn trừ phiền não phải làm gì để thành Hỷ vô lượng tâm, nên có câu hỏi này. Kế đáp khuyên nên thật hành chánh niệm, tức là bốn Niệm xứ. Bốn Niệm xứ chính phá tám điên đảo. Tám điên đảo diệt tức si diệt. Si diệt thì phiền não nội ngoại giới đều diệt. Nếu khiến chúng sinh hành bốn Niệm xứ, tức là phiền não được vui Đạo đế. Cứu khổ được vui, nên sinh vui mừng. Đó là hoằng thệ thứ ba. Ai chưa an Đạo đế, khiến được an. Cũng gọi là pháp môn vô tận thệ nguyện tri.

Phần d/ Lại hỏi đáp “Lại hỏi... bất diệt”. Một phen sau đây là thành Xả vô lượng tâm. Trước hỏi đáp nói chung về chánh niệm. Kế phân biệt tướng chánh niệm không đồng. Trước hỏi vì sao phải hành chánh niệm. Đây hỏi vì sao tu hành chánh niệm thì sinh thiện đoạn ác, thành hoằng thệ thứ tư trừ Xả vô lượng tâm khiến không lui sụt. Kế đáp: phải hành bất sinh bất diệt, tức là bốn thứ tinh tấn trong bốn Niệm xứ gọi là chánh cần. Nếu chánh cần thành tựu, sẽ ngăn hai pháp bất thiện và tập hợp hai pháp thiện. Nếu hai bất thiện diệt tức là diệt đế. Duyên diệt đế này mà phát thệ nguyện thứ tư. Cho nên nói chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn, tức là diệt đế. Thành tựu Xả vô lượng tâm này thì bỏ được hai tâm yêu ghét. Tức là tất cả phiền não diệt, cũng là vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành vậy.

Lại hỏi đáp “Lại hỏi... bất diệt”. Cũng thuộc thệ nguyện thứ tư mà thành Xả vô lượng tâm, tức phân biệt chánh niệm. Trước hỏi pháp nào không sinh, pháp nào không diệt, chính hỏi phân biệt tướng không sinh diệt. Kế đáp bất thiện bất sinh tức là hai thứ chánh cần ngăn ác pháp hai biên không sinh, thiện pháp Không diệt tức là hai thứ chánh cần. Tập hợp hai thứ thiện pháp Không diệt, ác pháp Không sinh là thành đoạn đức. Thiện pháp Không diệt là thành trí đức. Hàng Nhị thừa đoạn ác pháp Không sinh. Thân tro lạnh trí diệt tức là thiện pháp diệt. Đây là giải thoát tư nghị. Nay giải thoát Đại thừa bất tư nghị tức là nương công đức Như Lai. Nhưng không sinh diệt có hai thứ: Một là, thế đế; hai là, chân đế. Đây là thế đế không sinh diệt.

Hai, Hỏi đáp sáu phen, tiếp theo là xét cội nguồn chúng sinh “Lại hỏi...”, là hỏi đáp lần thứ nhất, tức thành việc quán chúng sinh vào

Không đến nguồn Trung đạo. Chúng sinh có cái ác bất sinh và cái thiện bất diệt, là bốn thứ ngăn cản bốn Chánh cần.

Lấy gì làm gốc, tức là nghiệm xét tốt cùng cái gốc năm trụ. Phiền não tuy nhiều nhưng không ngoài năm trụ. Hoặc năm trụ thì vô minh là gốc, suy tìm cùng cực vẫn không thấy nơi nương nhờ của hoặc đầu tiên, vì thấu đạt đến cội nguồn. Trước ngài Văn-thù hỏi thiện và bất thiện cái nào là gốc. Kế đến ngài Tịnh Danh đáp: Lấy thân làm gốc, tức là từ ngọn mà tìm gốc. Nay hiện thấy, nhân có thân nên có ác có thiện, thân tức thân kiến. Nương nơi thân kiến này mà khởi sáu mươi hai kiến... phiền não, khởi các thiện ác, thiện ác liền sinh sáu nẻo, ba cõi đều phụ thuộc vào ngã kiến. Do đó chúng sinh ba cõi đều vì ngã mà khởi hành thiện ác, cho đến sơ tâm của tam thừa cũng đều vì ngã mà tu đạo. Phải biết ngã của thân kiến là gốc của tất cả, tức là thấy nhất xứ trụ địa. Tuy thiện ác có vô lượng, nhưng chấp ngã là một, nên nói là nhất xứ.

Hỏi đáp lần hai “Lại hỏi... làm gốc”. Trước Văn-thù hỏi thân kiến là gốc của thiện, bất thiện, thân kiến lại lấy gì làm gốc. Nếu thân kiến không gốc mà có, thì thiện ác cũng phải Không gốc mà có. Ngài Tịnh Danh đáp: Thân kiến lấy tham dục làm gốc. Nếu không có tham dục tất không có thân, cho nên biết tham dục làm gốc cho thân. Nên Đại kinh có nói: Phiền não cùng thân trước sau không thể được. Tuy nhiên cần nhân phiền não mới có thân. Thế nên tham dục tức là gốc của thân. Tham dục tức là dục ái trụ địa. Vì sao? Vì đoạn thân kiến vẫn còn có dục hoặc.

Hỏi đáp lần ba “Lại hỏi... là gốc”. Trước ngài Văn-thù hỏi. Nếu tham dục là gốc của thân, dù đoạn thân kiến rồi vẫn còn dục. Vậy tham dục lấy gì làm gốc? Kế ngài Tịnh Danh đáp: Hư vọng phân biệt là gốc. Vì sao? Vì tâm hư vọng suy tìm đủ các thứ, hoặc nói lìa tâm mà nêu sắc, hoặc lìa sắc mà nêu tâm. Thật ra không có sắc tâm, chỉ vì hư vọng mà cho sắc khác tâm, nên khởi tham dục. Đoạn tham dục hết rồi vẫn còn có sắc tâm. Hư vọng phân biệt tức là sắc ái trụ địa.

Hỏi đáp lần bốn “Lại hỏi... là gốc”. Trước ngài Văn-thù hỏi hư vọng phân biệt là gốc của tham dục, đoạn tham dục hết rồi vẫn có sắc ái trụ địa. Vậy hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc. Kế ngài Tịnh Danh đáp: tưởng điên đảo làm gốc. Tưởng điên đảo là thật không có tâm, do điên đảo chấp có mà hay sinh ra các hư vọng. Phân biệt sắc tâm khác nhau nên có sắc ái, nếu đoạn hết sắc ái tất không còn phân biệt có sắc khác tâm. Chỉ vì điên đảo chấp có tâm này. Nếu chỉ có tâm tức là Không có sắc ái trụ địa.

Hỏi đáp lần năm “Lại hỏi... là gốc”. Trước ngài Văn-thù hỏi. Nếu hư vọng phân biệt lấy tướng điên đảo hữu ái làm gốc. Khi đoạn hết hư vọng phân biệt, thì sắc ái hết mà cũng còn có tướng điên đảo hữu ái. Vậy cái gì là gốc của tướng điên đảo. Kế ngài Tịnh Danh đáp: Lấy vô trụ làm gốc. Vô trụ tức là vô minh không đầu mối “vô thủ) làm gốc cho hữu ái điên đảo ở cõi Vô sắc. Vì sao? Vì nếu đoạn tướng điên đảo hữu ái cõi Vô sắc hết rồi vẫn còn vô minh trụ địa. Hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo vẫn chưa đoạn hết. Nhiếp Đại thừa nói: A-lê-gia thức là gốc của tất cả sinh tử thế gian, nên luận ấy nói: Thức ấy từ vô thủ là chỗ nương của tất cả, còn vô minh này lại không nương nhờ, nên nói là gốc vô trụ, tức là vô minh vô thủ sức nó rất lớn, chỉ có trí Bồ-đề của Phật mới đoạn hết được.

Hỏi đáp lần sáu “Lại hỏi... lập tất cả”. Trước ngài Văn-thù hỏi: Nếu tướng điên đảo lấy vô trụ làm gốc, tức đoạn hết tướng điên đảo hữu ái cõi Vô sắc, các hoặc dứt hết, chỉ còn vô thủ vô minh, thì vô trụ vô minh này lấy gì làm gốc, đâu không có gốc mà có ư? Kế ngài Tịnh Danh đáp: Vô trụ thì là Không gốc, chính là nói vô minh nương vào pháp tánh. Pháp tánh tức vô minh không hai không khác, há được tánh lại nương tánh. Phải biết vô minh không có gốc, nên thập trụ thấy có chấm dứt, mà không thấy có lúc bắt đầu. Chư Phật Như Lai thì thấy cả chấm dứt và bắt đầu. Nếu quán chúng sinh vào Không, mà đến gốc vô trụ thì là đến tận đáy lý Trung đạo. Đã nói vô trụ không gốc tức là chúng sinh có Phật tánh hư không. Cả ba đế trước đây đều không. Lại nói từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp, tức là tất cả các pháp hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian đều từ gốc vô trụ mà lập. Vì sao? Vì nếu mê vô trụ thì tam giới, sáu đạo lăng xăng mà có, ắt lập ra tất cả các pháp thế gian. Nếu hiểu vô trụ tức là vô minh vô thủ thì trở về cõi nguồn mà phát chân thành Thánh, nên có bốn Thánh pháp xuất thế, nên nhân vô trụ mà lập tất cả pháp. Nay dùng sáu phen hỏi đáp này để tìm xét tột cùng đến cõi nguồn vô trụ, mà thành việc quán chúng sinh ba đế trên. Vì sao? Vì lần hỏi đáp đầu tiên nói về thiện và bất thiện, tức là quán chúng sinh thế đế, như huyền đều từ thân kiến mà sinh, chưa được thấy chân. Kế đến ba phen hỏi đáp về đoạn sinh tử của chúng sinh ba cõi, tức là quán chúng sinh thấy chân như Đại thứ năm... Kế đến hai phen hỏi đáp về quán chúng sinh bị vô minh che lấp Trung đạo, gọi là gốc vô trụ. Nếu thấy Trung đạo tức như, không có sắc ở cõi vô sắc... Vô minh Trung đạo là nguồn của chúng sinh, là gốc của giải hoặc, nên nói từ vô trụ mà lập tất cả pháp.

Hỏi: Vô trụ tức là vô minh vô trí, vì sao lại gọi vô trí?

Đáp: Thân kiến... các hoặc đều có chỗ nương mà khởi. Hễ khởi thì có bắt đầu “trí”. Thứ này không có chỗ nương mà khởi nên cũng không có bắt đầu, nên nói vô minh vô trí, tức là vô trụ. Đây có hai cách giải thích, cũng nói không trụ cũng nói có trụ, cũng nói không gốc cũng nói có gốc. Vì sao? Nếu kiểm xét gốc của năm trụ, thì trước hết thân kiến... đều ước là gốc phiền não, nên có bắt đầu và có trụ. Nay ngoài vô minh ra, không còn phiền não nào là gốc của vô minh nữa, nên nói là Không gốc. Không gốc nên không có bắt đầu và không trụ. Nên nói không trụ thì không gốc.

Hỏi: Vô minh nương pháp tánh, vậy pháp tánh là đầu mối “bắt đầu) sao được nói không có đầu mối?

Đáp: Nếu vô minh nương pháp tánh là có đầu mối “bắt đầu”, mà pháp tánh không phải là phiền não, nên không thể chỉ pháp tánh là gốc phiền não, nên nói không trụ thì không gốc. Nếu nương pháp tánh mà lập tất cả pháp, mà vô minh không ngoài pháp tánh, pháp tánh tức là gốc vô minh. Đây thì lấy pháp tánh làm gốc. Nay xét gốc phiền não, mà pháp tánh không phải phiền não nên nói không trụ không gốc. Đã không có gốc thì không được tự trụ mà phải nương vào cái khác mà trụ. Nếu nói tự trụ tức nhìn sang pháp tánh là cái khác, nên cũng được nói là nương cái khác mà trụ. Nói tự trụ tức là ý của Biệt giáo, nương vào cái khác mà trụ là ý của Viên giáo.

Hỏi: Nếu Biệt tiếp Thông mà nói nghĩa năm trụ là thế nào?

Đáp: Nếu nói bốn trụ là kiến tư nội giới, vô minh được xem là ngoại giới. Do ngoại giới lưu nhập vào nội giới. Nay lại nói trước đoạn thân kiến, kể trừ tham dục..., sau đoạn vô minh là trở về gốc vô trụ. Đây là Biệt tiếp Thông.

Hỏi: Nghĩa Biệt giáo là thế nào?

Đáp: Ý của Biệt giáo là kiến tư nội giới không gọi là kiến nhất xứ. Vì sao? Vì bốn trụ này không phải là hoặc căn bản, như cành là nương cây mà không nương đất. Nên thân kiến nội giới có các thứ không giống nhau, nên không gọi là nhất xứ, cũng không phải là trụ địa. Vì đã đoạn bỏ hết cành lá chấp có Niết-bàn. Đây là mê pháp thân mà khởi. Nếu thấy chân đế Niết-bàn là một pháp thì gọi là thấy một xứ. Kiến này nhân vô minh mà khởi nên gọi là trụ địa cũng gọi là thân kiến. Đây là từ pháp thân mà khởi kiến. Nếu ở năm trần của y chánh biến dịch mà sinh tham dục, tức là dục ái trụ địa. Sắc tâm biến dịch do hư vọng phân biệt, tức là sắc ái trụ địa. Quên sắc quán tâm cũng còn thấy có tâm, tức

là tướng điền đảo, tức là hữu ái trụ địa. Bốn thứ này nương vô trụ mà khởi, tức là vô minh trụ địa. Ngoài vô minh ra lại không có chỗ nương, nên nói là vô trụ không gốc.

Hỏi: Không trụ và có trụ có khai hợp chăng?

Đáp: Nếu hợp vô minh mà xem là pháp tánh, pháp tánh không trụ nên vô minh không trụ, nên nói không trụ. Nếu khai pháp tánh mà nói vô minh, mà vô minh nương pháp tánh nên cũng nói được là có trụ. Có trụ là trụ ở pháp tánh. Trụ pháp tánh không phải là phiền não, tức là Không trụ. Nhưng căn cứ vô minh để nói tu vô lượng bốn Thánh đế mà luận việc đoạn phục, thì đây là Biệt giáo, đến ngoại giới mà nói nghĩa năm trụ vậy.

Hỏi: Viên giáo phân biệt năm trụ như thế nào?

Đáp: Năm trụ của Viên giáo, chỉ thân kiến nội giới... bốn trụ hữu vi duyên tập là mê vô trụ mà khởi đoạn kiến, nhập Niết-bàn, bốn trụ sinh ra cũng mê vô trụ mà khởi vô vi duyên tập. Nay viên quán bốn trụ nội ngoại giới đều đến gốc vô trụ, cho nên hiểu tận cùng nguồn cội chúng sinh ba đế, thành việc quán chúng sinh trên như huyễn hóa, là đại thứ năm, là sắc của cõi Vô sắc... đều không thể được mà nhập vào ba đế. Như khói bụi mây sương nổi lên tuy có nặng nhẹ nhưng không lìa hư không. Nặng như nội giới, nhẹ như ngoại giới. Thí như nương pháp tánh mà có các pháp thế gian nội ngoại giới. Thí như ánh sáng của lửa, sao, mặt trời, mặt trăng soi chiếu trừ hết bóng tối của mây sương, dẹp hết các hiện tượng trên không trung. Thí như nương pháp tánh mà có các pháp thế, xuất thế nội ngoại giới. Nên nói từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Hỏi: Thí dụ về hư không này đâu chỉ có đản không thể được cái khác không.

Đáp: Không còn chẳng có một, đâu được có hai. Nếu dựa theo duyên thì tướng bày ra đều có khác. Như kinh Luận Đại thừa có nghĩa phá hư không, tức có thể lấy thí dụ đản không mà hiển bày cái không chẳng thể được. Lại còn, các thí dụ voi trắng, mặt trăng tròn sáng đầy đủ sao?

Hỏi: Về nặng nhẹ của khói mây để thí dụ hai thứ nội giới và ngoại của năm trụ thì nghĩa như thế nào?

Đáp: Đây không dựa theo văn chỉ lấy nghĩa mà giải thích.

Hỏi: Bốn thứ ánh sáng của lửa... thì ý nào là chủ?

Đáp: Một mực nêu pháp giới tánh mà luận. Nay mượn ý này để biểu thị cho trí bốn giáo chiếu sáng không đồng lấy nghĩa này mà giải

thích.

Phần 4) Từ “Thiên nữ tán hoa: thời Duy-ma-cật trở xuống đây là nói Thiên nữ trong thất hiện thân cùng ngài Xá-lợi-phất luận nghĩa, hiển bày việc quán chúng sinh, thấu lý ba đế trụ bất tư nghị. Văn có bảy:

1. Thiên nữ hiện thân cùng ngài Thân Tử đối đáp nói về hai thứ giải thoát, hoặc dứt không đồng.

2. Từ ngài Thân Tử hỏi Thiên nữ trở đi nói hai thứ giải thoát thể nó khác nhau.

3. Từ Thân Tử hỏi Thiên nữ đối ba thừa trở đi là nói lực dụng giải thoát không đồng.

4. Từ Thân Tử hỏi Thiên nữ không chuyển thân nữ trở đi là nói pháp môn chuyển biến tự tại bất tư nghị.

5. Từ Thân Tử hỏi Thiên nữ ở đây chết rồi trở xuống là nói giải thoát bất tư nghị ẩn hiện tự tại, chân ứng bốn tích khó lường.

6. Từ Thân Tử hỏi Thiên nữ được Bồ-đề trở đi, là nói pháp thân, sinh thân thành đạo không đồng.

7. Ngài Tịnh Danh kể thành việc Thiên nữ nói.

1) Phần một, Thiên nữ hiện thân... văn có bốn:

a) Thiên nữ nghe pháp hiện thân.

b) Thiên nữ tán hoa cúng dường.

c) Hoa đến Bồ-tát đều rơi.

d) Hoa đến các đại đệ tử lại dính.

- Thiên nữ nghe hiện thân: Quan Hà giải rằng: Đây là thân nhà cửa của ngài Tịnh Danh, thủ hộ phương trượng nghe pháp vui mừng hiện thân cúng dường. Nay nên hiểu đây là đại Từ pháp thân ảnh hưởng ngài Tịnh Danh cùng hoằng dương đại đạo. Bốn địa đồng kế hợp vô sinh mà trụ giải thoát bất tư nghị ở tại Thường tịch quang, mà ở trong thất hiện thân, là biểu thị ẩn thì gọi là Như Lai tạng, hiển thì gọi là pháp thân. Đây là đại Từ pháp thân ứng hiện làm thân nữ để giúp hoằng hóa đại đạo, muốn nhân việc tán hoa mà chê trách lỗi ngài Thân Tử, để hiển bày việc được giải thoát bất tư nghị. Lại giải việc trên nói dùng thần lực dọn trống trong thất là biểu thị mười phương đều không. Quả trí của ngài Tịnh Danh ở vào lý không này, tức là thật trí pháp thân ở tại Thường tịch quang, nằm giường chân tánh, đồng vật có bệnh, tức là đại bi hiện bệnh ứng thân. Mà thất có Thiên nữ, thiên là thiên nhiên. Đây là biểu thị ngài Tịnh Danh từ lâu đã ở lý thiên nhiên của trời Đệ nhất nghĩa, là chúng sinh thường Từ có ba mươi hai tướng. Cho nên ở Chân

không tánh tịnh mà hiện hình Thiên nữ, ẩn thì gọi Như Lai tạng, hiển thì gọi là pháp thân. Pháp Thân tức là từ, từ tức Như Lai, Như Lai tức pháp thân, pháp thân ứng hiện làm hình Thiên nữ để biểu thị pháp môn Đại từ của ngài Tịnh Danh, nên hiện làm thân nữ.

- Tán hoa cúng dường “Tức dĩ.. đệ tử thượng”. Hoa như trong đại phẩm, các Thiên nữ nói hoa ấy không phải do cây sinh, hoa do cây tâm sinh ra. Ngài Tu-bồ-đề nói hoa ấy không phải sinh, hoa không từ cây tâm sinh ra. Nay nói pháp thân Bồ-tát ấy đoạn hết biệt hoặc, khởi nhân muôn hạnh mà cảm được quả thật báo thắng diệu. Nên nói Tam hiền, Thập Thánh trụ quả báo. Hoa này tức là hoa quả báu Vô sinh thanh tịnh, là hoa nhân Vô sinh tịnh diệu công đức. Thiên nữ pháp thân Bồ-tát vì không phân biệt khắp tán hoa cúng dường các Bồ-tát và các đại đệ tử.

- Hoa đến các Bồ-tát đều rơi “Hoa đến... đều rơi”. Đây là biểu thị Bồ-tát trụ vào Giải thoát bất tư nghi, sinh ở cõi Thật báo, đã lìa hết các biệt hoặc, không bị diệu ngũ dục quấy nhiễu nên hoa không dính vào thân mà đều rơi rụng.

- Nói hoa đến các đại đệ tử thì đều dính vào “Chỉ Đại đệ tử...”. Văn có năm: Một là, Hoa đến liền dính. Hai là, Dùng thần lực vẫn không phủi được. Ba là, Thiên nữ hỏi ý. Bốn là, Thân Tử đáp. Năm là, Thiên nữ chê trách.

Hàng Nhị thừa chỉ đoạn ngũ dục nội giới, nên Ngũ dục thế gian không thể khuấy động. Vì biệt hoặc chưa trừ, nên bị sắc tịnh thượng diệu ngoại giới ô nhiễm, nên trách rằng: Vì kiết tập chưa hết nên hoa mới dính thân. Như trong Đại Luận ngài Ca-diếp nghe tiếng đàn Yên-ca-la mà không thể ngồi yên liền nói: “Gió tám phương không thể lay động được núi Tu-di, nhưng gió lam đến thì phá nát như cỏ mục. Ngũ dục ba cõi ta đã đoạn hết, không thể khuấy động được tâm. Đó là của tịnh diệu ngũ dục Bồ-tát. Ta đối với việc này không thể ngồi yên” là nghĩa này vậy.

“Nhất thiết... linh khứ”, Thân Tử... phủi hoa không rớt. Bởi trụ ở giải thoát tư nghi, chưa đoạn hết các biệt hoặc, như ngài Ca-diếp vừa kể.

Hỏi: Kinh này nói kết tập chưa đoạn nên hoa dính thân, có liên quan gì đến biệt hoặc?

Đáp: Đại Luận nói: Ở kinh Thanh Văn nói là tập khí, ở Ma-ha Diễn “Đại thừa) nói là chánh sử, tức là biệt hoặc.

Hỏi: Đoạn Thông hoặc và Biệt hoặc đều lập tên bốn trụ chăng?

Đáp: Nếu dựa theo Thông giáo thì nội giới có tên bốn trụ. Nếu

biết tiếp thông thì ngoại giới chỉ có tên là vô minh. Vô minh hay che chướng Phật tánh, không gọi là kiến tư. Nếu dựa theo Biệt giáo thì vô minh là chánh sử, cũng có tên kiến tư bốn trụ. Nên Thiên nữ trách rằng: Nếu đối với Phật pháp có phân biệt, là Không như pháp, đã có phân biệt ắt là có kiến hoặc. Lại nói: Kết tập chưa hết thì hoa ắt dính thân, nên có tư hoặc. Cũng được phân tư để làm ba trụ. Nay nói các đại đệ tử dùng thần lực phủi hoa. Nếu dựa vào sự mà giải thích, thì Thiên nữ tán hoa đến các Bồ-tát đều rơi, nhưng đến các đại đệ tử thì dính lại không rơi. Ngài Thân Tử muốn tránh xa hiểm nghi, nên phủi hoa đi. Theo lý giải thích thì thích, là nói hàng Nhị thừa chán ngũ dục ở đời mà chấp lấy Niết-bàn. Đây thì tâm có lấy bỏ. Nay thấy quả báo ngũ dục của Bồ-tát cũng cho là Không như pháp phủi đi mà không thể được. Dùng hết thần lực, vì La-hán trụ vào Giải thoát tư nghị, tuy có thần lực nhưng biệt hoặc chưa đoạn, không được tự tại giải thoát bất tư nghị nên phủi hoa không rơi. Ba, “Bấy giờ... phủi hoa”, Thiên nữ hỏi ý phủi bỏ muốn trách là quấy nên trước hỏi ý phủi hoa.

“Đáp rằng... phủi đi”, ngài Thân Tử đáp rằng không như pháp, ý cho rằng Thiên nữ có nhiễm tâm nên phải phủi đi.

Thiên nữ trách “Thiên viết...”. Văn có bốn: Chê trách. Giải thích nêu được mất. Thí dụ. Kết.

* Chánh chê trách, rằng đừng bảo hoa này là Không như pháp, tức không phải là hoa tư nghị ở thế gian. Đây là tu lý vô sinh, làm nhân muôn hạnh mà cảm được hoa như pháp thật báo này. Lại dùng tâm như pháp mà tán hoa bình đẳng cúng dường, sao gọi là Không như pháp?

* Giải thích hoa này do không có phân biệt, là Thiên nữ dùng tâm không phân biệt mà cảm được, lại dùng tâm không phân biệt mà tán hoa. Các Bồ-tát không có tâm phân biệt thì hoa không dính. Còn Thân Tử... thì phân biệt sinh tử Niết-bàn có khác. Phân biệt tức là biệt kiến hoặc. Suy ra như nội giới nhân thân kiến phân biệt mà có tất cả kiến. Nên khiến không nhập được sơ quả, nếu dứt kiến không tranh chấp, liền thấy Đệ được quả. Biệt kiến cũng thế. Phân biệt sinh tử Niết-bàn là hai thứ, thì đó là kiến. Nếu lìa kiến này mà riêng nhập vào Thánh vị. Ngài đối với Phật pháp xuất gia mà có phân biệt thì không thể ra khỏi biệt kiến hoặc, có thể gọi là xuất gia không như pháp. Xem thấy hoa ở các Bồ-tát đều không dính vì họ đã đoạn tướng phân biệt. Tức là pháp thân hiển hiện ra khỏi kiến tư sinh tử nội ngoại giới. Đó là chân xuất gia, gọi là như pháp, nên hoa tự rơi rụng. Đây ước vào đặc thất “được mất) mà chê trách.

* Thí dụ làm sáng tỏ “Thí như... vi dã”. Có mở dụ và hợp dụ, chỉ việc bỏ sinh tử lấy Niết-bàn tức là phân biệt. Nên có kiến hoặc gọi là Không như pháp. Ý đó có thể hiểu.

* Kết trách “Kiết tập... trước dã”. Văn này nói không phải chỉ có tập, cũng nói có Biệt kiến tư, tức có Thông kiến tư tập khí đầy đủ như trước đã dẫn Trí Luận mà giải thích.

Hỏi: Nhất định là Biệt kết chưa đoạn hay đây là tập của Thông kết?

Đáp: Nếu dựa theo Thông giáo, như việc ngài Ca-diếp là tập khí. Nếu dựa theo Biệt giáo, tức biệt kết chưa đoạn nên có tập khí. Như Đại Luận nói: Hai thứ kết sử; một là, cùng hàng Nhị thừa đoạn; hai là, không cùng hàng Nhị thừa đoạn. Nếu cùng là Ca-diếp đã đoạn, không cùng là Ca-diếp chưa đoạn, đã như trên nói. Nay kinh này đã nói giải thoát bất tư nghị thì chính là dùng Biệt, Viên mà đoạn. Nhưng kinh không có văn rõ ràng. Giáo Phương đẳng này cũng còn mang phương tiện, không giống với Pháp Hoa, Niết-bàn.

Hai thứ giải thoát thể riêng không giống. Đây là căn cứ dẫn Không và chẳng dẫn không mà phân biệt. Văn có bốn:

- a) Thân Tử dựa sự để hỏi, Thiên nữ dùng lý mà đáp.
- b) Thiên nữ dùng sự hỏi, Thân Tử dùng lý đáp.
- c) Thân Tử lại quyết định Thiên nữ trách.
- d) Thân Tử khen ngợi.

Phần a, có năm: Một là, Thân Tử ước sự mà hỏi. Hai là, Thiên nữ dùng lý đáp. Ba là, Thân Tử tâm mê lại hỏi. Bốn là, Thiên nữ lại dùng lý đáp. Năm là, Thân Tử ngộ mà ngầm hiểu.

- Thân Tử là đầu mối khởi giáo, nên lấy sự ở thất lâu mau mà hỏi.

Hai- giải thoát, mà lý chân đế không lâu không mau. Tôi ở tại thất này là được không bất khả đắc mà trụ giải thoát bất tư nghị. Lý Đệ nhất nghĩa vốn không có nói năng, không có lâu mau. Việc số năm giải thoát đã không lâu mau, sao hỏi lâu mau? Cho nên đem số năm giải thoát để đáp chê Thân Tử.

- Thân Tử vốn dùng sự mà hỏi. Thiên nữ bỗng dùng lý mà đáp, ngài Thân Tử ngạc nhiên không hiểu nên lại - Thiên nữ lại đáp: Năm giải thoát của ngài bao lâu mà ngài hỏi ở đây bao lâu, nên đáp số năm giải thoát lý không lâu mau. Vì sao lại hỏi có lâu mau. Nếu thế nhân giải thoát không lâu, sao được lại hỏi có lâu chẳng?

- Ngài Thân Tử ngộ được ý cao siêu của Thiên nữ, yên lặng ngầm

hiếu.

Phần b) Thiên nữ dùng sự hỏi “Thiên viết...”. Thân Tử dùng lý đáp, văn có năm: Một là, Thiên nữ dùng sự hỏi. Hai là, Thân Tử dùng lý đáp. Ba là, Thiên nữ luận tướng giải thoát bất tư nghị. Bốn là, Giải thích. Năm là, Kết hiếu.

- Thiên nữ dùng sự hỏi: Vì sao bậc kỳ lão đại trí lại im lặng, tức là hỏi vì sao im lặng.

- Thân Tử dùng lý đáp: Yên lặng, chính vì lúc thấy lý chân đế mà được giải thoát, dứt đường ngôn ngữ, không có nói năng. Nay không biết nói thế nào nên yên lặng. Đây là dùng lý yên lặng mà đáp sự yên lặng.

Hỏi: Ngài Thân Tử nghe thuyết nào trình bày ba đế là thấy có được đạo, tức có nói năng. Nay sao được nói giải thoát không có nói năng không biết nói sao.

Đáp: Nếu có giáo môn ấy đâu không phải nói năng. Đây dùng Chứng mà đáp, nên nói không nói năng. Như trong Đại Tập có nói: Kiền-trần-như là Tỳ-kheo đầu tiên được lý không nói năng. Đây cũng nhân hữu môn không nói năng vậy. Thấy hữu, thấy không đều là giáo môn. Lý không nói năng thì hữu và không chẳng khác. Nếu nói khác, thì Thân Tử thấy có được đạo, sao được nói “Tôi nghe giải thoát không nói năng”.

- Thiên nữ dùng Bất tư nghị mà chê Thân Tử... là trụ ở tư nghị “Thiên viết... giải thoát tướng”, hàng Nhị thừa ở pháp văn tự sinh tử không được tự tại bỏ nhập Niết-bàn. Nay nói lìa tướng văn tự, thì ắt sinh tử không ngăn ngại Niết-bàn. Như hạt cải không ngại núi Tu-di, tức là tướng giải thoát bất tư nghị.

- Giải thích “Sở dĩ... lưỡng gian”. Bốn thể, thể tức là pháp. Nếu pháp ở hai phía trong ngoài, thì tên có thể như thế. Nay tìm thể và tên của pháp thì không thể được, vì đều không có hai phía trong ngoài, tức là giải thoát. Đâu được lìa phương này mà gọi giải thoát. Lại giải, các pháp Không có thể mà chỉ có danh tự. Danh không thể được tức là tướng giải thoát. Đây tức là khác với giải thoát tư nghị. Nói tướng hai thứ giải thoát khác nhau là ý ở đây vậy.

Năm, Kết hiếu “Thị cố... giải thoát tướng”. Nếu không lìa, đâu chỉ văn tự là giải thoát; hai mươi lăm hữu đều là giải thoát. Cho nên Thiên nữ tự giải thích. Vì sao? Vì tất cả các pháp là tướng giải thoát.

Phần c) Thân Tử lại quyết định “Xá-lợi-phất nói...”. Văn có hai: Một là, Thân Tử lại quyết định. Hai là, Thiên nữ chê trách.

- Thân Tử quyết định lại nói không còn... đây là ý nhắc lại. Thân Tử thuở xưa đã nghe giáo Tam tạng giáo, đoạn bỏ ba độc, được giải thoát tử phược. Nếu nói lia dâm, nộ, si không phải giải thoát, thì Phật xưa đã nói, sao được không phải.

- Thiên nữ liền đáp rằng Phật vì hai thứ căn duyên. Nếu là người độn căn tăng Thượng mạn thì Phật nói lia dâm, nộ, si là giải thoát, nếu là người lợi căn không có tăng Thượng mạn thì Phật nói tánh dâm, nộ, si tức là giải thoát.

Hỏi: Tăng thượng mạn là người chưa được cho là được, chưa chứng cho là chứng. Còn các ngài Thân Tử... đều đã được giải thoát sao được cho là người tăng Thượng mạn?

Đáp: Như Pháp Hoa chọn chúng nói về Tăng thượng mạn, là hàng Tiểu thừa chưa vào đạo phương tiện mà ngang bướng nhằm lẫn gọi là được bốn quả, là Tăng thượng mạn. Nên ngài Thân Tử không lựa bỏ hết là người được thọ đầu tiên. Nay trách là Tăng thượng mạn là có hai chỗ khác nhau: Nếu ngài Thân Tử ở Tam tạng giáo đoạn kết chứng được giải thoát tứ nghị, lạm gọi là đồng chỗ được như chư Phật. Đây tức là chưa được gọi là được, chưa chứng cho là chứng. Trong đây bài bác cái tâm thâm lạm gọi là Thượng mạn. Vì sao? Vì nếu chấp Tạng, Thông nói về chân đế của ba thừa là khôi đoạn, cho là Phật cũng thế. Nhưng Phật đã chứng thường trụ Niết-bàn đâu đem thấy chân mà cho là đồng với Phật chứng. Cho nên nói là Thượng mạn. Chính là nói giải thoát tri kiến của các giáo ngang bằng nhau không đồng với ngoại đạo và là Tiểu thừa lầm chấp phương tiện. Viên giáo nói chư Phật, Bồ-tát không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, không bỏ tám tà mà vào tám chánh, không giống như hàng Tiểu thừa phải lia dâm, nộ, si, bỏ tám tà mà vào Giải thoát tứ nghị. Vọng chấp cho là đồng được như Phật, há không phải là Thượng mạn ư? Chánh ý Thiên nữ trách là ở đây vậy. Ở Pháp Hoa nói kẻ không phải thượng mạn đã bị chê trách, đã nghe giải thoát bất tư nghị, không cùng chung với hàng Nhị thừa, tự biết chỗ được không phải là cảnh giới Phật, không có lỗi ham hố, chỉ ngang bằng với cái học về giáo đoạn mà nói giải thoát. Tạm trú ở thảo am mà tự nghĩ mình nghèo hèn, nên không phải là Thượng mạn. Bồ-tát không có các lỗi này nên không phải Tăng thượng mạn. Đây là giải thoát bất tư nghị lia và không lia, đều không cùng với hàng Nhị thừa đồng cùng chung, nên lia và không lia không phải chỉ là nội giới, mà cũng căn cứ ba độc ngoại giới, văn tự Thông, Biệt đều là tướng giải thoát. Đây là hiển bày giải thoát bất tư nghị đoạn và không đoạn đều được tự tại, gọi là giải thoát.

Phần d) Thân Tử khen ngợi Thiên nữ “Xá-lợi-phất nói...”. Văn có hai: Thân Tử khen và Thiên nữ đáp.

Thân Tử khen: Ngài Thân Tử nghe nói diệu pháp này mà suy ra thì được chứng thặng giải thoát, nên trước khen, kế hỏi sao được biện tài như thế?

Thiên nữ trước đáp sau chê. Đáp rằng vì không được, không chứng nên có biện tài như thế. Đại kinh nói: Có được thì gọi là Tiểu thừa, chỉ ai không thủ chứng, không chỗ được thì gọi là Đại thừa. Vì chẳng thể được là Không, nên không trụ ở hóa thành. Hàng Thanh văn học thiên lệch mà thủ chứng, còn hàng Bồ-tát viên học mà không thủ chứng, đầy đủ như trong Đại phẩm. Nay nói biết bốn thứ chẳng thể được, nên không trụ vào ba quyền một thật, tự tại vô cùng nên biện tài như thế.

“Sở dĩ...” . Kế nhân đó mà giải thích để gỡ lời chê trách, chê ngài chỉ được thiên không, hóa thành Niết-bàn cho là rốt ráo, mà không cầu Đại Niết-bàn Trung đạo, đó là hàng Tăng thượng mạn của Phật pháp.

Nói dụng lực của hai giải thoát không đồng: “Xá-lợi-phất...”. Đã nói thể của hai giải thoát khác nhau, thì bao nhiêu lực dụng lý phải Không đồng. Ngài Thân Tử chưa hiểu nguyên do nên hỏi. Nhân hỏi mà có đáp, phân biệt có tướng khác nhau. Trước hỏi, kế đáp.

- Thân Tử hỏi: Ở ba thừa ngài cầu thừa nào? Hoặc ước Tam tạng giáo mà hỏi. Nay cho là phần nhiều đều dựa theo Thông giáo. Vì sao? Vì người ba thừa đồng học Bát-nhã của Thông giáo. Nếu cầu quả hữu dư, vô dư của Thanh văn thì không thể tu thừa Duyên giác, Bồ-tát. Nếu cầu quả hữu dư, vô dư của Bích-chi-Phật, thì không thể cầu thừa Bồ-tát Thanh văn. Nếu cầu thừa Bồ-tát, thì phải từ bi thệ nguyện ở lâu trong sinh tử để độ thoát chúng sinh, thì không thể lui sụt để cầu vô dư của Nhị thừa. Tuy cùng học Bát-nhã nhưng chí cầu đều khác. Tức là Tư nghị mà hỏi muốn cầu thừa nào?

- Thiên nữ đáp “Thiên nữ nói...”. Văn có hai: Hóa tha và Tự hành.

Hóa tha thì cả ba thừa đều cầu, tự hành thì chỉ cầu Đại thừa.

Hóa tha, Nói cầu cả ba thừa, nếu Bồ-tát Thông giáo thì vốn không có pháp thân, không thể ứng hiện nếu không hóa độ ba thừa. Nay thì Biệt viên thừa tiếp căn tánh ba thừa của Thông giáo nên hiện ở ba thừa đều muốn cầu và đều có dụng. Như ngài Văn-thù đã ở hai vạn đời làm Bích-chi-Phật để độ người. Hướng là ở các thừa khác, tuy vô số sinh diệt mà luôn hành trì nhất thừa, nên nói là hóa tha.

Tự hành “Xá-lợi-phất...”. Nếu pháp thân thọ đạo như Pháp Hoa

nói: Chỉ một sự thật mà không hai không ba. Văn có bốn: Một là, Chính hiển bày Phật thừa. Hai là, Dẫn Thích Phạm làm chứng. Ba là, Nói ở thất đã mười hai năm. Bốn là, Nói trong thất có việc chưa từng có.

Một, Trước thí dụ, sau hợp dụ. Lấy rừng Chiêm-bạc mà dụ, khi Chiêm-bạc tỏa hương thì các mùi hương khác đều kém xa, nên dùng Chiêm-bạc để gọi tên rừng, hướng là vào rừng chỉ nghe mùi Chiêm-bạc. Nay nói tự hành thọ đạo theo Viên giáo là Không có ba thừa, mà chỉ là pháp môn phương tiện. Nên kinh Pháp Hoa nói: Và các pháp khác của chư Phật. Các pháp khác kém xa không bằng pháp vị sâu xa của Đại thừa. Cho nên pháp thân Bồ-tát chỉ học Đại thừa mà tấn đạo, không quý các công đức ra làm của Nhị thừa, nên hợp dụ rằng: Chỉ nghe mùi hương công đức của Phật, mà không thích mùi hương công đức của Nhị thừa. Thất trống vốn biểu thị cho Phật quốc đều không. Pháp thân Bồ-tát viên trí thanh tịnh, đã ở lý này, đâu ham thích trí thiên không.

Hỏi: Thiên nữ chỉ nói không thích mùi hương Nhị thừa, đâu được ba thừa đều nói là hóa tha?

Đáp: Đại thừa của Tạng Thông đồng nương “Đản không” đồng với Nhị thừa, chỉ có đại bi lợi vật là khác.

Hỏi: Vì sao nói ba thừa đều là hóa tha, còn Nhất thừa chỉ là tự hành?

Đáp: Tam thừa là tùy ý người khác mà nói, cho nên hoàn toàn là hóa tha. Nhất thừa là tùy ý mình mà nói, nên hoàn toàn là tự hành. Nhưng luận rất ráo đều có tự tha.

Hỏi: Nếu đều có tự tha thì lấy gì làm khác?

Đáp: Mùi hương Chiêm-bạc há đồng với các mùi hương khác, dụng của nhất Phật thừa há không đồng với ba thừa.

Hai, Dẫn Thích phạm làm chứng “Xá-lợi-phất... phát tâm mà ra”. Các Thích Phạm đầy đủ hữu vi duyên phược, mà vào trong thất nghe Đại thừa còn có thể phát tâm, hướng là pháp thân đã kế hợp vô sinh, thất trống rất ráo mà lại ham thích công đức Nhị thừa nên hai dụng nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn không đồng. Như hương Chiêm-bạc khác hẳn với các mùi hương khác.

Ba, Nói ở trong thất lâu mau “Xá-lợi-phất... chi pháp”. Trên Thân Tử hỏi ở thất đã lâu chưa. Nay Thiên nữ dùng lý mà đáp nói: Đã ở thất từ mười hai năm, luôn nghe Đại thừa, để chê ngài Thân Tử mười hai năm trước chỉ nghe Tiểu thừa. Đây chưa ắt như thế. Như sáu năm nghe kinh Ương-quật nói một Phật thừa lại vẫn như thế. Trước đã chê trách các đệ tử há chờ mười hai năm sau. Nay nói lìa tướng văn tự tức

là giải thoát. Mười hai nhân duyên tức là văn tự, lia tướng văn tự tức là giải thoát, nên được ước để nói lâu mau do đó lấy sự để biểu thị cho lý. Nói mười hai năm, tức biểu thị cho mười hai nhân duyên. Căn cứ giáo nghĩa tức có hai thứ: Tạng Thông nói nhân duyên có thể nghĩ bàn, hai là Biệt Viên nói nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Nên Đại kinh nói mười hai nhân duyên có bốn thứ quán. Hạ quán là Thanh văn, Trung quán là Duyên giác không thấy được Phật tánh, Thượng quán là Bồ-tát, Thượng thượng quán tức là Phật. Ngài Thân Tử chỉ quán nhân duyên có thể nghĩ bàn, Thiên nữ lại quán nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Nhân duyên tên đồng lại chỉ là tên giải thoát. Trên Thiên nữ đáp ngài Thân Tử rằng: Tôi ở nhà này như ngài giải thoát đã lâu năm, mà giải thoát không lâu không mau. Nếu Biệt Viên nói mười hai nhân duyên như Đại phẩm nói: Mười hai nhân duyên riêng của Bồ-tát là pháp chẳng chung với Nhị thừa. Nhị thừa lia văn tự mà giải thoát không có nói năng. Bồ-tát không lia văn tự mà giải thoát lại được có nói năng, nên được căn cứ để nói lâu mau. Đây tức không lâu mau mà lâu mau. Do đó Thiên nữ nói mười hai năm là chính biểu thị cho việc này. Nay tu pháp này, há rên tập pháp Thanh văn ư?

Hỏi: Trên Thiên nữ nói: Dùng pháp nhân duyên mà đắc độ, tôi là Bích-chi-Phật, nay sao được nói là pháp riêng của Bồ-tát?

Đáp: Phương tiện giáo này dạy cho biết là Bích-chi-Phật. Nếu giáo liễu nghĩa bác bỏ mà dạy thì Bích-chi-Phật không có phần. Vì sao? Vì mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Không thấy Phật tánh há biết được vô minh căn bản. Thập trụ thấy tánh không cùng vô minh còn chẳng rõ ràng, hướng là Bích-chi-Phật. Phải biết nhân duyên là pháp riêng của Bồ-tát, mười hai nhân duyên tức là tất cả văn tự, nên nói ở đây đã mười hai năm. Trước không nghe nói pháp Nhị thừa, chỉ nghe pháp của chư Phật, Bồ-tát. Cho nên thật tướng nhân duyên không phải nhân không phải quả mà là nhân là quả, là pháp riêng của Bồ-tát và chư Phật.

Bốn, Nói thất này có tám việc chưa từng có “Xá-lợi-phất...”. Hàng Nhị thừa còn nghĩ bàn nên không có. Văn có ba: Nêu chương. Luận tướng. Kết chē.

Đầu tiên, nêu chương, tức dụng chẳng thể nghĩ bàn, Nhị thừa không có. Nay giải thích chính đối với biển lớn Niết-bàn có tám dụ chẳng thể nghĩ bàn nghĩa nó hơi giống, chỉ danh nghĩa thứ lớp khởi duyên trước sau có khác chút ít.

Tiếp luận tướng. Văn có tám:

Thứ nhất: Trong thất thường có ánh sáng vàng chiếu rọi. Về sự thì dễ hiểu. Ước lý thì thất trống biểu thị cho Phật tánh tịch quang, là ánh sáng Đệ nhất nghĩa. Ngày đêm không khác, tức là tịch mà thường chiếu, trí tuệ không hai. Không dùng mặt trời, mặt trăng, tức không nhờ duyên tu quyền thật mà chiếu. Hàng Nhị thừa còn tư nghị không có việc này, nên gọi là chưa từng có. Đại kinh nói: Đồng một vị mặn. Nghĩa là tất cả chúng sinh đồng một Phật tánh “thất này... chi pháp” là việc chưa từng có thứ hai. Nếu vào Chân không Tịch quang pháp tánh thì không còn các cấu bần phiền não nội ngoại giới. Đại kinh nói: Không ngu trong thân chết. Như trong nội ngoại giới nếu phạm trọng cấm của Phật pháp thì thân chết không vào được Tịch quang.

“Thất này... chi pháp” là việc chưa từng có thứ ba. Thích Phạm tức là hàng hữu vi, đến hội lý tánh, tịnh là biểu thị sắp nhập vào cõi Tịch quang. Bồ-tát ở phương khác đến hội không dứt, là nói tự hành và hóa tha nhập vào các cõi Phật, tùy phương lợi vật đồng về cõi Tịch quang. Nên nói đến hội, Đại kinh nói dần dần chuyển sâu, gọi đó là quy giới, cho đến quả Phật, tức là dần dần sâu. “Thất này... chi pháp) là việc chưa từng có thứ tư, pháp Không thoái chuyển tức là sáu Ba-la-mật của bốn giáo, bốn thứ không thoái chuyển. Nếu không thoái chuyển tức là tự nhiên lưu nhập vào Tát-bà-nhã hải. Đại kinh nói sóng triều không quá hạn, thà mất thân mạng trọn không phạm ác. Ác tức là sáu tế “ngăn cản) trọn không thoái chuyển mà khởi sáu tế.

“Thất này... chi pháp” là việc chưa từng có thứ năm. Tất cả pháp trong đó không quái ngại, trí nói không thể cùng, tức là quả báo thắng diệu, như đàn Chân-ca-la, nói pháp Tứ đế pháp Vô lượng vô tác. Đại kinh nói sâu xa khó đến đáy. Thí như tiếng pháp giáo hóa.

“Thất này... chi pháp” là việc chưa từng có thứ sáu. Theo sự mà giải thích, tức là các giáo pháp của bốn giáo cũng là quán mười hai nhân duyên, bốn thứ pháp tạng thí cho chúng sinh mười giới không thể hết. Đại kinh nói: Có các thứ kho báu, để ví cho kinh này tức là kho báu. Nghĩa là bốn thứ đạo phẩm anh nhi hạnh... bốn thứ công đức Thánh nhân..., vô lượng kho báu.

“Thất này... chi pháp” là việc chưa từng có thứ bảy. Thất này có mười phương Phật hiện. Tức là cõi nước lớn, quán mười hai nhân duyên là Không, thì được niệm Phật Tam-muội. Mười phương chư Phật chân ứng hai thân, tùy niệm mà hiện ra. Đại kinh nói: Chúng sinh thân lớn ở chỗ chúng sinh lớn, tức là chỗ trụ của Phật, Bồ-tát.

“Thất này... chi pháp) là việc chưa từng có thứ tám. Thất này Thiên

cung Tịnh độ đều hiện trong ấy, thất trống chính biểu thị cõi Phật đều không. Lại văn trên nói: Tuy biết các cõi Phật vắng lặng như hư không, nhưng hiện các cõi Phật thắng diệu là biểu thị việc này. Đại kinh nói: Không tăng không giảm ví như Đại Niết-bàn, không có bờ mé, cho đến vì tất cả tánh đồng một tánh. Tức là thất trống biểu thị cho tất cả quốc độ đều không. Đây là dụng bất tư nghị chưa từng có há lại đồng với công dụng tiểu trí của hàng Nhị thừa trụ ở giải thoát tư nghị. Đại kinh nói tám thứ bất tư nghị nghĩa đồng.

Cuối cùng Kết chệ “Xá-lợi-phất... pháp hồ”. Nếu thất này thường hiện tám thứ chưa từng có tức là quán nhân duyên mà trụ ở giải thoát bất tư nghị, thành tựu tám dụng bất tư nghị. Ai chứng quả này đâu lại ham thích trụ ở tiểu trí vô dụng lìa văn tự mà cầu giải thoát.

“Xá-lợi-phất nói... là nói về thần biến tự tại của giải thoát Bất tư nghị. Nếu chân tánh giải thoát, không chuyển nào chẳng chuyển. Căn cứ hạnh lợi vật thì có chuyển và không chuyển. Như Đại phẩm nói: Tu-bồ-đề hỏi A-bệ-bạt-trí về nghĩa chuyển và không chuyển. Phật nói: Chuyển và không chuyển đều gọi là Bạt-trí. Nay cũng như thế. Nếu quán chúng sinh để nhập vào bất tư nghị, thấu suốt pháp tánh, không nhiệm không trệ. Chuyển và không chuyển, đều là Bạt-trí, nên có văn này.

Trước hỏi kế đáp. Trước hỏi, cũng dùng ý của giáo Tam tạng giáo. Bồ-tát Tam tạng giáo đủ năm việc gọi là bất thoái chuyển, nghĩa là được Túc mạng trí, các căn đầy đủ, không sinh vào hàng hạ tiện, không sinh vào ba ác đạo, không thọ thân nữ, đầy đủ năm việc trên thì gọi là Bạt-trí. Nay Thiên nữ biện tài như thế, đã có thắng giải, tức là Không lui sụt để làm thân nữ, nếu là người nữ đâu được như thế. Cho nên biết dùng nghĩa Bồ-tát của Tam tạng giáo mà hỏi. Tuy Thân Tử có thần lực hơn cả Mục-liên nhưng chỉ là sức cầu giải thoát tư nghị. Nay muốn hiển bày lực dụng bất tư nghị, nên Thân Tử dùng tư nghị mà hỏi. Kế đáp “Thiên viết ...” là Thiên nữ đáp. Văn có ba: Một là Nói không chuyển đổi. Hai là, Nói không chuyển đổi. Ba là, Nói không phải chuyển không phải Không chuyển để thành phẩm Quán Chúng Sinh này mà vào ba đế không, chẳng không, chẳng phải Không chẳng phải chẳng không.

Không chuyển đổi, là quán chúng sinh từ thế đế như huyễn... mà nhập chân đế. Như giới thứ mười chín... dụ không có tướng chuyển đổi. Cũng như Thân Tử đáp lời Thiên nữ rằng giải thoát không có nói năng. Đây tức là trên nói chân đế rốt ráo không thể chuyển đổi.

Chuyển đổi là chân mãi không chuyển lại, nhập vào Giả danh

dẫn dắt chúng sinh được nghĩa có chuyển. Như huyền hóa... tuy vô định nhưng thật ra không ngại giả danh, cũng được nói là chuyển. Như trên quán chúng sinh tục để giả danh như huyền hóa...

Không phải chuyển không phải Không chuyển. Chuyển và không chuyển đều không thể được. Vì chuyển nên không đồng với chân đế như giới thứ mười chín. Vì không chuyển nên không đồng với chuyển của danh tự huyền hóa. Là hai biên này thì là Không phải chuyển không phải Không chuyển, tức là chánh quán Trung đạo. Như quán chúng sinh trên như sắc của cõi Vô sắc. Chỉ khác chút ít về thứ lớp với văn trên, tức là trên hoàn toàn nói về nhập, còn đây thì nói về chuyển biến, cùng đồng nhau với ba quán.

* Trước trên nói không chuyển đổi. Văn có ba: Thiên nữ hỏi. Thân Tử đáp. Chê trách.

* Thiên nữ hỏi: Đem chánh quán mà thí dụ để hiển sáng. Lại hỏi ngài Thân Tử rằng: Ta từ mười hai năm nay cầu tướng nữ nhân rất không thể được, là quán pháp tánh nhân duyên mà cầu tướng nam nữ rất không thể được, thì sao lại phải chuyển đổi. Nay nói nam nữ không phải chỉ căn cứ người, tướng nó rất nhiều đều không thể được, đều như huyền hóa. Từ lý nhân duyên mà tìm hạnh vô minh... vốn không phải nam nữ chỉ là điên đảo vọng thấy. Nếu có nam nữ tức là có hai tướng. Quán chân lý nhân duyên thì không có hai tướng, rất ráo không thể được. Chánh báo đã thế thì y báo cũng vậy. Như trời thì dương, đất âm, mặt trời dương, mặt trăng âm, bốn tiết, ngũ hành đều là tướng nam nữ. Đại kinh có nói: “Nếu xem tham ái là mẹ, vô minh là cha” thì tức có nam nữ. Cho đến các thứ xuất thế như định tuệ, phước trí, trí độ, phương tiện, từ bi, thiện tâm... đều là nghĩa nam nữ. Nếu quán nhân duyên tức là Phật tánh, Phật tánh tức là pháp tánh. Chân lý pháp tánh còn không thấy một, sao lại có hai; còn không thấy có tướng nam nữ thế xuất thế, sao được có hai tướng thân người. Nên Thiên nữ hỏi: Quán mười hai tướng nhân duyên để cầu tướng nữ nhân rất không thể được, sao được khuyên chuyển đổi. Lại đến thế để ba nghĩa, về nữ không thể chuyển.

Nghiệp không thể chuyển. Ở vô minh hành, tạo nghiệp nam nữ, nghiệp nếu không chuyển thì là báo cũng không chuyển. Như ngài Xá-lợi-phất là do nghiệp nam tạo thành, còn Ni-liên-hoa là do nghiệp nữ tạo thành. Tuy được quả La-hán các tử phước đã đoạn hết, đó là chuyển nhân mà không chuyển hiện quả. Nếu nghiệp không dứt thì nhất định không thể chuyển.

Thần thông không thể chuyển, như Thiên nữ dùng sức thần thông

biến ngài Thân Tử thành nữ. Nếu chưa bỏ thần lực thì ma ngoại và Nhi thừa dùng hết sức thần lực của mình cũng không chuyển lại được.

Thệ nguyện không thể chuyển: Như Phật và pháp thân Bồ-tát tùy các quốc độ đáng dùng thân nữ để độ thì liền hiện thân nữ. Nếu chúng sinh chưa độ thì thân nữ vẫn không đổi, khi chúng sinh cơ duyên đã hết, thì liền chuyển đổi. Dem ba ý này hỏi lại ngài Thân Tử vì sao không đổi bỏ nữ thân mà hỏi. Đây tức mười hai năm quán tướng nữ trọn không thể được, sao cần phải chuyển đổi. Ví như nhà huyền thuật hóa hình nam nữ. Nếu có người hỏi vì sao không đổi thân nữ, đây không phải là chánh hỏi. Nay ngài Thân Tử hỏi lời này tức không phải chánh hỏi. Do đó lại dùng câu hỏi này để hỏi ngài Thân Tử là chánh hỏi chăng?

* Ngài Thân Tử lãnh hội “Xá-lợi-phất... sở chuyển”. Do huyền hóa không có tướng nhất định, sao cần phải chuyển đổi, tức là Thân Tử tự nhận lời hỏi là sai.

* Thiên nữ trách “Thiên viết... nữ thân”. Nhân Thân Tử hiểu và tự nhận bỏ câu hỏi mình là sai nên chê trách rằng: Tất cả các pháp cũng lại như thế không có tướng nhất định. Nói tất cả pháp tức là như trên. Nam nữ, âm dương, định tuệ... tất cả các pháp đều là vọng phân biệt, nhưng quán nhân duyên mà cầu thì không thể được, sao cần phải chuyển đổi, ngài đã đáp rằng huyền pháp Không nhất định vì sao lại khuyên chuyển đổi, tức là chê trách.

Tiếp thứ hai nói về chuyển “Tức thời...”. Tức là chuyển nên gọi là Bạt-trí. Thấu suốt tánh chuyển đổi như hư không không thể được. Nương vào Thế tục hai tướng không nhất định, từ không vào Giả do danh tự mà phân biệt nên được nghĩa có chuyển đổi. Văn có bốn: Một là, Thiên nữ tự biến làm Thân Tử mà hỏi. Hai là, Thân Tử dùng thân nữ mà đáp. Ba là, Thiên nữ giải thích. Bốn là, Dẫn lời Phật làm chứng.

Một, Thiên nữ tự biến thành Thân Tử, đổi Thân Tử làm Thiên nữ, rồi dùng hình Thân Tử mà hỏi. Tức là trên nói nghĩa dùng thần lực làm nữ, nếu không nhiếp phục thần lực thì không chuyển đổi được. Đây là chỉ cho nghiệp không thể chuyển thì phàm nữ thân là Không chuyển đổi. Nếu cơ duyên không chuyển thì ứng hiện cũng không chuyển đổi.

Hai, Thân Tử dùng thân nữ mà đáp “Xá-lợi-phất... nữ thân”. Không biết vì sao biến thành. Là nói Thân Tử có thần lực Tam tạng giáo hơn ngài Mục-liên, nhưng chỉ là tư nghị nên không thể chế phục được thần lực của Bồ-tát. Nên bị Thiên nữ biến đổi. Nay bát tư nghị không phải là tư nghị biết được. Nên nói không biết vì sao chuyển đổi để thành việc trên như trước nói.

Ba, Thiên nữ giải thích “Thiên viết... nữ dã”. Thiên nữ nói nếu ngài Xá-lợi-phất có thể chuyển đổi thân nữ này, thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển đổi được. Như ngài Thân Tử bị thần thông cầm giữ nên không chuyển đổi được, thì tất cả người nữ bị nghiệp cầm giữ cũng không thể chuyển đổi được. Nếu tất cả người nữ không dẹp trừ nghiệp mà có thể chuyển đổi được, thì Thân Tử cũng có thể chuyển đổi được. Như ngài Xá-lợi-phất không phải là nữ mà bị thần lực của người khác biến làm thân nữ, thì tất cả người nữ mà bị nghiệp lực biến làm thân nữ, thì tuy hiện là thân nữ, nhưng trong bốn đại, năm ấm nhân duyên mà tìm, tướng nữ không thể được, tức là Không phải nữ. Nay Thiên nữ tức là do nguyện lực biến làm thân nữ. Nếu cơ duyên chúng sinh cần chuyển đổi thì cũng ứng hiện chuyển đổi. Như gương đối mặt hiện ra mặt, mặt nếu không lia bỏ thân thì cũng không thể đổi được.

Bốn, Dẫn chứng lời Phật “Thị cố... phi nữ”. Như Phật đã nói tất cả các pháp Không phải nam không phải nữ. Như ở thế gian nam nữ cho đến âm dương, định tuệ tất cả các pháp đều không phải nam nữ.

Thứ ba, Thiên nữ nhiếp thân lực “Tức thời...) tức không phải chuyển không phải Không chuyển thành Trung đạo trên ở trước. Văn có bốn: Một là, Thân thần lực hiện lại thân cho ngài Xá-lợi-phất rồi hỏi tướng nữ ở đâu. Hai là, Ngài Thân Tử đáp. Ba là, Thiên nữ ấn định Trung đạo thì không phải chuyển không phải Không chuyển. Bốn là, Dẫn chứng lời Phật.

Một, Nói tất cả chúng sinh nữ nghiệp nếu hết thì thân nữ chuyển đổi không còn thấy tướng nữ. Nếu chúng sinh cơ duyên hết thì việc ứng hiện thân nữ cũng hết. Không còn tướng nữ nữa.

Hai, Thân Tử đáp không ở mà không đâu không ở.

Ba, Thiên nữ ấn khả lời nói này là hiểu thuyết Trung đạo, thành nguồn cội quán chúng sinh trước đây nên ấn khả.

Bốn, Dẫn chứng lời Phật “Phù vô tại... thuyết dã) là Không phải chỉ hiểu đúng ý Thiên nữ mà cũng không trái lời Phật dạy.

“Xá-lợi-phất...” là Thân Tử hỏi về việc sống “sinh) chết “mất”. Đây là hiển bày giải thoát bất tư nghị sống chết tự tại, chân ứng bốn tích. Tư nghị thì không chết vì là gốc pháp thân. Sống “sinh) là ứng hóa thù tịch. Chính là muốn hiển bày thành việc quán chúng sinh vào Không mà đến được đế nhất thật, cùng nguồn tốt cội thì gọi là chết “mất”, thật hành ba mươi hai thứ Vô duyên đại từ, do sức thiện căn hun đúc, thọ thân để lợi vật thì gọi là sống. Lại giải thích chết sống tức là ứng thân thù tịch. Không phải sống không phải chết là pháp thân sẵn

có. Từ đây trở đi hỏi đáp đều là nghiên cứu hiển bày việc ngài Tịnh Danh trên nói về nghĩa quán chúng sinh. Văn có bốn: Một là, Thân Tử hỏi. Hai là, Thiên nữ đáp. Ba là, Thân Tử lại hỏi. Bốn là, Thiên nữ giải nghi.

Một, Ngài Thân Tử hỏi. Chính là dựa theo Tam tạng giáo hoặc dùng ý Thông giáo. Vì sao? Vì Tam tạng giáo nói Phật Vô dư hội tận. Đây chỉ có chết (mất) mà không có sống “sinh”. Nhị thừa Tạng Thông cũng chết mà không có sống “sinh”. Còn Bồ-tát Tam tạng giáo thì hóa độ chúng sinh đã không đoạn kết tụy, chết mà lại có sống “sinh”. Bồ-tát Thông giáo thì khác với Nhị thừa. Nhị thừa không nguyện, không thọ thân sau (hậu hữu) nên chỉ chết mà không sống (sinh). Phật tuy có nguyện và chánh tập đều đoạn, chỉ chết mà không sống (sinh). Còn Bồ-tát tuy đoạn chánh sử mà vì có tập có nguyện nên được là có sống “sinh”. Nay chính ước Tam tạng giáo, đã chưa đoạn kết tất phải có sống thì sẽ sinh chỗ nào?

Hai, Thiên nữ đáp. Phật hóa sinh thế nào thì tôi cũng sinh như thế. Ý đáp là Phật pháp thân lý vốn không có sinh. Ứng đồng thì sinh, đây như hóa sinh không phải do kiết tập sinh. Thiên nữ được pháp thân cũng phải là hóa sinh mà không phải do kiết tập sinh, nên nói tôi cũng sinh như thế.

Ba, Thân Tử lại hỏi. Phật hóa sinh không phải là chết rồi mới sinh. Thân Tử không biết ý Thiên nữ ở chỗ ứng hóa sinh, bèn lấy Tam tạng giáo cho rằng Phật báo thân có thể hóa sinh, hóa thì không có thể chất mà chợt có, không có tướng nhất định, bỏ đây lấy kia. Bồ-tát do kết nghiệp mà thọ sinh, sao bảo Phật hóa sinh. Nên nói: Phật hóa sinh không phải chết rồi mới sinh. Trên, Thiên nữ đã dùng ứng hóa của Biệt giáo mà đáp. Thân Tử không hiểu vì còn chấp Tam tạng giáo, Phật có Báo thân mới có thể hóa sinh. Nên nói Phật hóa sinh không phải chết rồi mới sinh.

Bốn, Thiên nữ giải nghi. Thiên nữ biết ngài không hiểu ý sâu xa liền dùng ý Thông giáo mà đáp. Tất cả chúng sinh cũng không phải chết rồi mới sinh, qua lại năm nẻo đều như biến hóa. Không phải chết rồi mới sinh, tức Thiên nữ cũng là hóa hiện đâu có chết rồi mới sinh. Đây cũng là hoàn toàn ý ở pháp thân ứng hóa. Đến khi ngài Tịnh Danh kể thành việc chân ứng bốn tích thì nghĩa mới sáng tỏ. Đó là việc Phật hóa sinh chính là ứng hóa. Thiên nữ được pháp thân, tùy sinh chỗ nào cũng đều ứng hóa cho nên không phải chết rồi mới sinh.

“Xá-lợi-phất...” là Thân Tử hỏi Thiên nữ được Bồ-đề lâu mau?

Tức là hiển bày việc thành đạo của Viên giáo. Văn có hai:

Một, Thân Tử căn cứ Tạng Thông mà hỏi được đạo lâu mau. Thiên nữ căn cứ bất tư nghị chân đế mà đáp.

Hai, Thân Tử căn cứ tư nghị tục đế mà hỏi. Thiên nữ lại dựa vào bất tư nghị chân đế mà đáp.

Trong phần đầu, Thân Tử có ý hỏi: Nàng đã vì lợi vật sao lại ở đạo tràng mà tám tướng thành đạo. Kế Thiên nữ đáp và hỏi lại có hai ý: “Nếu Xá-lợi-phất trở lại làm phàm phu thì tôi mới thành Bồ-đề.” Nếu nói ngộ chân vô sinh há có lý lại làm phàm phu. Tôi được đạo Viên chân, đã trừ hết biệt hoặc đâu có thể mới nương vào tám tướng thành đạo của Tạng Thông. Cho nên nói tôi chứng Bồ-đề, cũng không có lẽ đó. Nếu Thân Tử thấy chân tư nghị còn lại làm phàm phu, thì tôi vào chân bất tư nghị mới tám tướng thành đạo. Ngài không có việc kia thì tôi sao có việc này. Song La-hán hay hóa làm phàm phu mà không phải thật là phàm phu. Pháp thân thành đạo cũng không phải là tám tướng. Chúng sinh phải tám tướng mà được độ thì liền hiện ra tám tướng. La-hán thật không lại làm phàm phu, thì tôi được vô sinh, cũng thật không có tám tướng. Đây là đối tượng mà giải thích. Kế Thân Tử đáp rằng: “Tôi làm phàm phu, không có lẽ đó.” Thiên nữ liền thưa rằng “Tôi được Bồ-đề cũng không có lẽ đó.” Sở dĩ cùng nói như thế là nếu Thân Tử hỏi pháp thân thành đạo rất ráo. Đây là thập trụ mà không thấy đầu mối, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rất ráo Thiên nữ lấy thời gian lâu như của Thân Tử mà đáp. Như kinh Pháp Hoa nói đạo thông thành đạo, Vương tử tu nhân. Thân Tử há có thể biết được tám tướng này, chỉ khi nào được vô sinh liền hay tám tướng tùy duyên mà làm Phật, đâu cần phải hỏi. Kế Thiên nữ tự giải thích rằng Bồ-đề không chỗ trụ nên không được. Đây là pháp thân quán chân đế bất tư nghị là Không, không có nơi chốn, chư Phật không đi cũng không đến, nên nói là Không có được.

Kế tiếp Ngài Thân Tử căn cứ tư nghị tục đế mà hỏi “Xá-lợi-phất nó...”. Thiên nữ lại ước bất tư nghị chân đế mà đáp. Trước hết ngài Thân Tử hỏi, nay chư Phật được Bồ-đề như hằng sa. Đây là đem tám tướng tục đế thông giáo mà hỏi, nên nói là như hằng sa. Vì sao? Vì Tam tạng giáo không nói có mười phương Phật, tuy có ý nghĩa này, nhưng không nói rõ ràng. Kế Thiên nữ đáp rằng: đều là dùng văn tự thế tục mà nói có Phật ba đời. Không phải bảo chân đế có ba đời mà giả gọi ba đời, nhưng chân Bồ-đề thì đâu có thuộc đời. Thiên nữ nhân đáp mà hỏi lại ngài Thân Tử: Ngài có được đạo La-hán chăng? Thân Tử đáp: Vì không được nên

mới được. Đây như trong Đại phẩm Phật có bốn câu hỏi ngài Thiện Cát được đạo. Ngài Thiện Cát đáp: Không trụ ở bốn câu mà thật được đạo. Đây là bốn câu tục đế dứt tứ nghị mà thấy chân được đạo. Thiên nữ nói “Chư Phật, Bồ-tát cũng như thế.” Đây là bốn câu tục đế dứt bất tứ nghị thấy chân bất tứ nghị mà được đạo. Vì sao? Vì ý của Thiên nữ Tiểu thừa được đạo tứ nghị còn cho không được mà được. Huống là Đại thừa được đạo bất tứ nghị mà không dứt hết bốn câu không được mà được. Lời lẽ giống nhau nhưng ý rất cách xa.

“Nhĩ thời...” là ngài Tịnh Danh kể thành việc Thiên nữ trên đáp lời ngài Thân Tử đều thật không dối. Văn có bốn: Một là, Được gặp chư Phật từ lâu. Hai là, có thần thông du hí. Ba là, được Vô sinh nhẫn. Bốn là, nguyện tùy ý hiện ra.

Tuy có gạn hỏi ngài Thân Tử nhưng nghĩa chưa được rõ. Nên ngài Tịnh Danh kể thành việc Thiên nữ đáp thì sáu nghĩa mới hiện rõ:

Một, Đã từng cúng dường chín mươi hai ức Đức Phật, là thuận theo giáo Phật mà hay quán nhân duyên ba đế, nên được ở trong thất trống này mà huân tu từ bi hiện ra thân Thiên nữ, tán hoa như pháp, bình đẳng cúng dường, biểu thị cho thông hoặc đã dứt, biệt hoặc đã dẹp trừ mà được lìa tánh văn tự. Giải thoát bất tứ nghị tức là thuật thành việc Thiên nữ đáp câu hỏi đầu của ngài Thân Tử, nói nếu lìa hết biệt hoặc thì họa không dính thân. Cũng thuật thành việc đáp câu hỏi hai của ngài Thân Tử nói hai thứ giải thoát là tứ nghị và bất tứ nghị không đồng nhau.

Hai, Được Du hí thần thông, thệ nguyện đầy đủ, kể việc vào rừng Chiêm-bạc không ngửi mùi hương khác, cũng kể việc đáp lời câu hỏi thứ tư về chuyển đổi thân nữ, như vì bốn nguyện nên hiện ra thân nữ.

Ba, Được Vô sinh nhẫn, tức kể câu hỏi thứ sáu của ngài Thân Tử hỏi được quả Bồ-đề bao lâu. Thiên nữ đáp không được mà được, tức pháp thân thành đạo.

Bốn, Vì bốn nguyện nên tùy ý hiện ra để giáo hóa chúng sinh tức kể câu hỏi thứ năm của ngài Thân Tử về sống “sinh) và chết. Thiên nữ đáp như Phật hóa sinh. Pháp thân sinh và chết là do bốn nguyện ứng hóa, chân ứng bốn tích nghĩa rất sáng tỏ.

Hỏi: Vì sao ngài Thân Tử trước hỏi sống chết “sinh mất”, kể hỏi được đạo bao lâu. Ngài Tịnh Danh kể thành vì sao trước nói pháp thân thành đạo, sau mới nói việc sống chết “sinh mất)?

Đáp: Ngài Thân Tử vì mê tâm mà hỏi, dứt sự mới đến lý. Còn ngài Tịnh Danh dùng lý mà kể thành. Được Vô sinh nhẫn tức là được pháp thân rồi thì mới có ứng dụng. Ngài Thân Tử tuy có sáu câu hỏi và

Thiên nữ đáp lưu loát, nhưng chánh ý cũng còn khó thấy. Nên dùng bốn nghĩa để thuật thành, thì ý mới thật rõ ràng.

